PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

(Tiếp theo Công báo số 57 + 58)

BB 1.8

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ KINH DOANH THUỐC THÚ Y, HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT DÙNG TRONG THÚ Y, THÚ Y THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số (nếu có):..... ngày cấp..... nơi cấp.
4. Số điện thoại:..... Số Fax (*nếu có*):.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Mặt hàng sản xuất/kinh doanh:.....
7. Ngày kiểm tra:.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1).....
2).....
3).....

10. Đại diện cơ sở:

1).....
2).....

BB 1.8

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt	Không đạt			Tổng hợp	
			Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng		
I	**Cơ sở vật chất kỹ thuật**						
1	Xây dựng và thiết kế						
1.1	Địa điểm cố định, riêng biệt	[ ]		[ ]			
1.2	Bố trí nơi cao ráo, thoáng mát, an toàn, cách xa nguồn ô nhiễm	[ ]	[ ]				
1.3	Xây dựng bằng vật liệu chắc chắn	[ ]	[ ]				
1.4	Trần nhà có chống bụi	[ ]	[ ]				
1.5	Tường và trần nhà phẳng, dễ vệ sinh lau rửa	[ ]	[ ]				
2	Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh	[ ]	[ ]				
3	Có khu vực trưng bày thuốc	[ ]		[ ]			
4	Có khu vực bảo quản thuốc	[ ]		[ ]			
5	Có khu vực riêng để bảo quản và bày bán thức ăn chăn nuôi	[ ]		[ ]			
II	**Trang thiết bị**						
1	Thiết bị bảo quản thuốc tránh được ảnh hưởng bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, sự ô nhiễm, sự xâm nhập của côn trùng						
1.1	Có đủ tủ quầy bảo quản thuốc	[ ]		[ ]			
1.2	Tủ, quầy, giá kệ dễ vệ sinh, đảm bảo thẩm mỹ	[ ]		[ ]			
1.3	Có nhiệt kế, ẩm kế và ghi chép theo dõi	[ ]		[ ]			
1.4	Cơ sở có thiết bị để đảm bảo nơi bảo quản và bán thuốc thông thoáng	[ ]		[ ]			
1.5	Nơi bán thuốc có đủ ánh sáng để đảm bảo các thao tác diễn ra thuận lợi và không nhầm lẫn	[ ]		[ ]			

BB 1.8

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt	Không đạt			Tổng hợp	
			Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng		
2	Cơ sở có thiết bị bảo quản để đáp ứng với yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn	[ ]		[ ]	[ ]		
3	Nơi bán thuốc có duy trì ở nhiệt độ phòng (nhiệt độ dưới 30^0C, độ ẩm bằng hoặc dưới 75%)	[ ]		[ ]			
III	**Hồ sơ sổ sách**						
1	Hồ sơ pháp lý						
1.1	Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	[ ]	[ ]				
1.2	Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y	[ ]		[ ]			
1.3	Có hồ sơ nhân viên	[ ]	[ ]				
2	Hồ sơ sổ sách liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc	[ ]	[ ]				
2.1	Theo dõi xuất, nhập từng loại thuốc thú y	[ ]	[ ]				
2.2	Theo dõi số lô, hạn dùng thuốc	[ ]	[ ]				
IV	**Nguồn thuốc và thực hiện Quy chế chuyên môn**						
1	Tất cả thuốc mua vào được phép lưu hành hợp pháp (có số đăng ký, có trong Danh mục được phép lưu hành hoặc có giấy phép nhập khẩu)	[ ]		[ ]			
2	Có Danh mục các mặt hàng thuốc kinh doanh	[ ]	[ ]				
3	Có khu vực riêng hoặc tủ riêng để thuốc, hóa chất diệt côn trùng	[ ]		[ ]			
4	Thuốc có nhãn theo quy định	[ ]		[ ]			

BB 1.8

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt	Không đạt			Tổng hợp	
			Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng		
5	Nhãn, hướng dẫn sử dụng thuốc và thuốc đựng bên trong đúng và khớp với nhau	[ ]		[ ]			
6	Sắp xếp gọn gàng, dễ lấy, tránh nhầm lẫn	[ ]		[ ]			
7	Sắp xếp theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn	[ ]			[ ]		

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

BB 1.8

HƯỚNG DẪN
KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ KINH DOANH THUỐC THÚ Y, HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT DÙNG TRONG THÚ Ý, THÚ Y THỦY SẢN

I. HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI

1. Định nghĩa mức lỗi

- Lỗi nghiêm trọng (*Se*): Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng.

- Lỗi nặng (*Ma*): Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng chất lượng sản phẩm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng.

- Lỗi nhẹ (*Mi*): Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát vệ sinh, nhưng chưa đến mức nặng.

2. Bảng xếp loại:

<table>
<tr><th rowspan="2">Xếp loại</th><th colspan="3">Mức Lỗi</th></tr>
<tr><td>Lỗi nhẹ</td><td>Lỗi nặng</td><td>Lỗi nghiêm trọng</td></tr>
<tr><td>Loại A</td><td>≤ 2</td><td>0</td><td>0</td></tr>
<tr><td>Loại B</td><td colspan="2">Ma = 1 và tổng Mi + Ma ≤ 3</td><td>0</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Loại C</td><td>-</td><td>2 - 3</td><td>0</td></tr>
<tr><td>-</td><td>-</td><td>1</td></tr>
</table>

Ghi chú: (-) Không tính đến

3. Diễn giải:

3.1. Cơ sở đủ điều kiện kinh doanh đảm bảo chất lượng thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản: Khi cơ sở xếp loại A hoặc B

3.1.1. Cơ sở được xếp loại A khi đạt các điều kiện sau:

- Không có lỗi nghiêm trọng, lỗi nặng và tổng số sai lỗi nhẹ không quá 2 nhóm chỉ tiêu.

3.1.2. Cơ sở xếp loại B khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không có lỗi Nghiêm trọng và

Số lỗi Nặng bằng 1 và tổng số lỗi Nhẹ + Nặng không quá 3 nhóm chỉ tiêu.

***3.2.* Cơ sở chưa đủ điều kiện kinh doanh đảm bảo chất lượng lượng thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản: Khi cơ sở xếp loại C**

3.2.1.Cơ sở xếp loại C khi vướng vào một trong các điều kiện sau:

- Có lỗi Nghiêm trọng hoặc có số lỗi Nặng từ 2 đến 3 nhóm chỉ tiêu

BB 1.8

II. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

A. Ghi biên bản kiểm tra:

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.

- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.

- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

B. Nguyên tắc đánh giá:

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong mỗi nhóm chỉ tiêu.

- Với mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức sai lỗi tại các cột có ký hiệu [ ], không được xác định mức sai lỗi vào cột không có ký hiệu [ ].

- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi nhóm chỉ tiêu.

- Kết quả đánh giá tổng hợp chung của một nhóm chỉ tiêu là mức đánh giá cao nhất của chỉ tiêu trong nhóm, thống nhất ghi như sau: Ac (đạt), Mi (lỗi mức nhẹ), Ma (lỗi mức nặng), Se (lỗi mức nghiêm trọng).

- Phải diễn giải chi tiết sai lỗi đã được xác định cho mỗi chỉ tiêu và thời hạn cơ sở phải khắc phục sai lỗi đó. Đối với chỉ tiêu không đánh giá cần ghi rõ lý do trong cột "Diễn giải sai lỗi và khắc phục".

C. Các nhóm chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra:

1. Chỉ tiêu 1: Cơ sở vật chất

1.1. Yêu cầu: Địa điểm cố định, riêng biệt; bố trí nơi cao ráo, thoáng mát, an toàn, cách xa nguồn ô nhiễm; xây dựng bằng vật liệu chắc chắn; trần nhà có chống bụi; tường và trần nhà phẳng, dễ vệ sinh lau rửa; diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh; có khu vực trưng bày; có khu vực bảo quản thuốc; có khu vực riêng để bày bán thức ăn chăn nuôi.

1.2. Phương pháp: Xem xét giấy chứng nhận quyền sở hữu đất nhà, hợp đồng thuê đất nhà, kiểm tra thực tế để xác định:

- Có địa chỉ cố định, có biển hiệu ghi tên cửa hàng, cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, mã số kinh doanh được cấp; bảng niêm yết đăng ký kinh doanh.

- Diện tích cửa hàng tối thiểu $10m^2$

- Bố trí nơi cao ráo, thoáng mát, an toàn, cách xa nguồn ô nhiễm

- Xây dựng bằng vật liệu chắc chắn; trần nhà có chống bụi; tường và trần nhà phẳng, dễ vệ sinh lau rửa

- Có khu vực trưng bày; có khu vực bảo quản thuốc; có khu vực riêng để bày bán thức ăn chăn nuôi.

BB 1.8

1.1.3. Đánh giá:

• Phù hợp với yêu cầu tại 1.1: đánh giá là đạt

• Không có địa điểm cố định riêng biệt hoặc khu vực riêng trưng bày, bảo quản thuốc đánh giá lỗi nặng

• Không phù hợp với một trong các yêu cầu còn lại tại 1.1 đánh giá lỗi nhẹ

2. Chỉ tiêu 2: Trang thiết bị

2.1. Yêu cầu: có đủ trang thiết bị bảo quản thuốc tránh được ảnh hưởng bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, sự ô nhiễm, sự xâm nhập của côn trùng; có thiết bị bảo quản để đáp ứng với yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn.

2.2. Phương pháp: Kiểm tra danh mục thiết bị và kiểm tra thực tế để xác định:

- Có đủ tủ quầy bảo quản thuốc

- Tủ, quầy, giá kệ dễ vệ sinh, đảm bảo thẩm mỹ

- Có nhiệt kế, ẩm kế và ghi chép theo dõi

- Cơ sở có thiết bị để đảm bảo nơi bảo quản và bán thuốc thông thoáng

- Nơi bán thuốc có đủ ánh sáng để đảm bảo các thao tác diễn ra thuận lợi và không nhầm lẫn

- Có đủ thiết bị để bảo quản thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên nhãn

- Cửa hàng kinh doanh vắc xin phải có thiết bị bảo quản lạnh và có phương tiện dự phòng để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học khi xảy ra sự cố mất điện; có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ và ghi chép hàng ngày

- Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin thú y phải có phương tiện vận chuyển chuyên dùng đảm bảo yêu cầu bảo quản khi vận chuyển, phân phối đến nơi tiêu thụ.

2.3. Đánh giá:

• Phù hợp với yêu cầu tại 2.1: đánh giá là đạt

• Không có đủ thiết bị để bảo quản thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất: đánh giá lỗi nghiêm trọng

• Không phù hợp với một trong các yêu cầu còn lại tại 2.1 đánh giá lỗi nặng

3. Chỉ tiêu 3: Hồ sơ sổ sách

3.1. Yêu cầu: Cơ sở phải có Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y; có hồ sơ nhân viên; hồ sơ sổ sách liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc; theo dõi xuất, nhập từng loại thuốc thú y và theo dõi số lô, hạn dùng thuốc.

3.2. Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ tài liệu và phỏng vấn (nếu cần)

3.3. Đánh giá:

• Phù hợp với yêu cầu tại 3.1: đánh giá là đạt

• Không phù hợp với một trong các yêu cầu tại 3.1 đánh giá lỗi nhẹ hoặc nặng.

BB 1.8

4. Chỉ tiêu 4: Nguồn thuốc

4.1. Yêu cầu: Tất cả thuốc kinh doanh tại cơ sở phải có nguồn gốc hợp pháp và có đủ nhãn theo quy định; có danh mục các mặt hàng thuốc kinh doanh; sắp xếp theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn.

4.2. Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ tài liệu và kiểm tra thực tế để xác định:

- Danh mục các mặt hàng thuốc kinh doanh

- Từng sản phẩm có nhãn ghi đúng theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BNN ngày 14/01/2009

- Có khu vực riêng hoặc tủ riêng để thuốc, hóa chất diệt côn trùng

- Có sắp xếp theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn.

4.3. Đánh giá:

• Phù hợp với yêu cầu tại 4.1: đánh giá là đạt

• Không phù hợp với một trong các yêu cầu tại 4.1 đánh giá lỗi nặng.

• Không sắp xếp sản phẩm theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn: đánh giá lỗi nghiêm trọng.

BB 1.9

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Tên tiếng Anh, tên giao dịch thương mại (nếu có):
3. Địa chỉ:.....
4. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
5. Số điện thoại:..... Số Fax (*nếu có*):.....
6. Mã số *(nếu có)*: .....
7. Mặt hàng:
8. Ngày kiểm tra:.....
9. Hình thức kiểm tra: .....
10. Thành phần đoàn kiểm tra: 1).....
    2).....
    3).....
11. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Diễn giải các lỗi, hành động và thời gian khắc phục
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
I	**Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; Điều kiện sản xuất, kinh doanh**				
	- Giấy chứng nhận kinh doanh về giống cây trồng	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Có địa điểm sản xuất, kinh doanh giống phù hợp với quy hoạch của ngành, phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất, kinh doanh từng loại giống, cấp giống				

BB 1.9

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Diễn giải các lỗi, hành động và thời gian khắc phục
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
	- Điều kiện vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, cấp giống	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đào tạo về chuyên ngành lâm sinh	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Chứng nhận nguồn gốc vật liệu giống đưa vào sản xuất giống	[ ]		[ ]	
II	**Vườn ươm phục vụ sản xuất giống**				
	- Diện tích vườn ươm phù hợp với công suất sản xuất giống	[ ]		[ ]	
	- Thời gian sử dụng vườn ươm	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Nguồn nước tưới	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Nguồn điện	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Giao thông	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Độ thoát nước	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Độ dầy tầng đất	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Các loại luống và giàn che ươm cây	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Nhà giâm hom (nếu sản xuất cây hom)	[ ]	[ ]	[ ]	
	- Khu huấn luyện cây (nếu sản xuất cây mô)	[ ]	[ ]	[ ]	

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

BB 1.9

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

....., ngày..... tháng..... năm.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

BB 1.9

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

1. Lỗi nặng: Là sai lệch so với tiêu chuẩn, ảnh hưởng xấu đối với chất lượng giống cây trồng, nếu để kéo dài sẽ tác động xấu đến chất lượng của rừng trồng và môi trường.

2. Lỗi nhẹ: Là sai lệch so với tiêu chuẩn gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng giống cây trồng nhưng chưa đến mức nặng.

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; Điều kiện sản xuất, kinh doanh

Giấy chứng nhận kinh doanh về giống cây trồng

- Đạt yêu cầu: Có
- Lỗi nhẹ: Có nhưng hết hiệu lực
- Lỗi nặng: Không có

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính

- Đạt yêu cầu: Có
- Lỗi nhẹ: Có nhưng hết hiệu lực
- Lỗi nặng: Không có

Có địa điểm sản xuất, kinh doanh giống phù hợp với quy hoạch của ngành, phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất, kinh doanh từng loại giống, cấp giống

- Đạt yêu cầu: Phù hợp
- Lỗi nhẹ: Phù hợp một phần
- Lỗi nặng: Chưa phù hợp

Điều kiện vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, cấp giống

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ
- Lỗi nhẹ: Thiếu một phần
- Lỗi nặng: Thiếu nhiều

Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đào tạo về chuyên ngành lâm sinh

- Đạt yêu cầu: Có
- Lỗi nhẹ: Có nhưng chuyên ngành khác
- Lỗi nặng: Không có

BB 1.9

Chứng nhận nguồn gốc vật liệu giống đưa vào sản xuất giống

- Đạt yêu cầu: Có

- Lỗi nặng: Không có; hoặc có giấy chứng nhận nguồn gốc giống nhưng không phù hợp với số lượng cây con đã gieo ươm (số lượng cây con đã gieo ươm > số lượng hạt có thể nảy mầm thành cây con theo quy định của từng loài cây).

2. Vườn ươm phục vụ sản xuất giống

Diện tích vườn ươm phù hợp với công suất sản xuất giống

- Đạt yêu cầu: Phù hợp
- Lỗi nặng: Không phù hợp

Thời gian sử dụng vườn ươm

- Đạt yêu cầu: Đúng quy định
- Lỗi nhẹ: Quá quy định 1 - 2 năm
- Lỗi nặng: Quá quy định trên 2 năm

Nguồn nước tưới:

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Nguồn điện

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Giao thông

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Độ thoát nước

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Độ dầy tầng đất

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Các loại luống và giàn che ươm cây

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

BB 1.9

Nhà giâm hom (nếu sản xuất cây hom)

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

Khu huấn luyện cây (nếu sản xuất cây mô)

- Đạt yêu cầu: Thích hợp
- Lỗi nhẹ: Chấp nhận được
- Lỗi nặng: Không thích hợp

III. PHÂN LOẠI

- Loại A: Không có lỗi nặng, < 1/3 các tiêu chí kiểm tra thuộc mức nhẹ;
- Loại B: Có 01 lỗi nặng, > 1/3 các tiêu chí kiểm tra thuộc mức nhẹ;
- Loại C: Kết quả kiểm tra có từ 02 lỗi nặng trở lên.

BB 1.10

(Tên cơ quan kiểm tra) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Sản phẩm:.....
7. Ngày kiểm tra:.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần đoàn kiểm tra: 1).....
   2).....
   3).....
10. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Giống sản xuất	[ ]			[ ]	
2	Kiểm định cây giống	[ ]	[ ]	[ ]		
3	Nguồn gốc vật liệu nhân giống	[ ]		[ ]	[ ]	
4	Vườn ươm	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
5	Quy trình kỹ thuật nhân giống	[ ]		[ ]	[ ]	
6	Sổ sách ghi chép, sơ đồ, biển hiệu lô giống sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]		
7	Ghi nhãn hàng hóa khi xuất vườn	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Công bố tiêu chuẩn áp dụng khi xuất vườn	[ ]		[ ]	[ ]	
9	Chất lượng cây giống	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Đánh dấu "X" vào ô đã được xác định

BB 1.10

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

a) Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu, tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

.....

.....

.....

b) Chỉ định chỉ tiêu phân tích, kiểm định:

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.10

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng cây giống hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng cây giống
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng cây giống nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cây giống

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Giống sản xuất

- Đạt yêu cầu: Giống sản xuất có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới hoặc có văn bản chấp thuận cho phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lỗi nghiêm trọng: Giống sản xuất không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới hoặc chưa có văn bản chấp thuận cho phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Kiểm định cây giống

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê người kiểm định cây giống để kiểm định tất cả cây giống được sản xuất;

- Lỗi nhẹ: Có hoặc thuê người kiểm định cây giống nhưng còn một số hạn chế hoặc không điểm định được toàn bộ cây giống được sản xuất.

- Lỗi nặng: Không có hoặc không thuê người kiểm định cây giống.

3. Nguồn gốc vật liệu nhân giống

- Đạt yêu cầu: Toàn bộ vật liệu nhân giống có nguồn gốc từ cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng được công nhận;

- Lỗi nặng: Có một số vật liệu nhân giống không có nguồn gốc từ cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng chưa được công nhận.

BB 1.10

- Lỗi nghiêm trọng: Toàn bộ vật liệu nhân giống không có nguồn gốc từ cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng được công nhận;

4. Vườn ươm

- Đạt yêu cầu: Diện tích các khu gieo ươm hạt gốc ghép, đóng bầu, nhân giống và huấn luyện cây giống phù hợp quy mô số lượng cây giống sản xuất; chủ động về điện, tưới tiêu; cách ly nguồn lây nhiễm bệnh.

Đối với cây có múi: có nhà lưới đảm bảo chất lượng, thiết kế phù hợp yêu cầu, đủ diện tích theo yêu cầu nhân giống.

- Lỗi nhẹ: Vườn ươm còn một số hạn chế nhưng chưa ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cây giống.

- Lỗi nặng: Diện tích các khu gieo ươm hạt gốc ghép, đóng bầu, nhân giống và huấn luyện cây giống, điều kiện điện, tưới tiêu chưa phù hợp với quy mô số lượng cây giống sản xuất.

- Lỗi nghiêm trọng: Nhân giống cây có múi không có nhà lưới đảm bảo chất lượng, thiết kế không phù hợp yêu cầu và không đủ diện tích nhà lưới theo yêu cầu nhân giống.

5. Quy trình kỹ thuật nhân giống

- Đạt yêu cầu: Có quy trình kỹ thuật nhân giống phù hợp đối với các giống đưa vào sản xuất;

- Lỗi nặng: Có quy trình kỹ thuật nhân giống nhưng chưa phù hợp hoặc không đầy đủ đối với các giống đưa vào sản xuất.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có quy trình kỹ thuật nhân giống phù hợp.

6. Sổ sách ghi chép, sơ đồ, biển hiệu lô giống sản xuất

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ sổ sách, sơ đồ, biển hiệu lô giống sản xuất; ghi chép đầy đủ, phù hợp với nguồn gốc vật liệu giống.

- Lỗi nhẹ: Có sổ sách, sơ đồ, biển hiệu lô giống sản xuất; nhưng ghi chép chưa đầy đủ hoặc còn thiếu biển hiệu.

- Lỗi nặng: Không có sổ sách ghi chép, sơ đồ, biển hiệu lô giống sản xuất/và, hoặc không phù hợp với nguồn gốc vật liệu giống.

7. Ghi nhãn hàng hóa khi xuất vườn

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin chủ yếu theo yêu cầu quy định.

- Lỗi nặng: Có ghi nhãn nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không ghi nhãn hoặc ghi nhãn với các thông tin giả mạo.

8. Công bố tiêu chuẩn áp dụng khi xuất vườn

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác nội dung thông tin theo quy định.

- Lỗi nặng: Có công bố nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không công bố hoặc công bố sai sự thật.

BB 1.10

9. Chất lượng cây giống

- Đạt yêu cầu: Tất cả các chỉ tiêu phân tích, kiểm định đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích, kiểm định trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

III. PHÂN LOẠI

Loại A	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 2 lỗi nhẹ/tổng số 3 lỗi nhẹ.
Loại B	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 3 lỗi nặng/7 lỗi nặng; - Có tối đa 3 lỗi nhẹ/tổng số 3 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB 1.11

Tên cơ quan kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Sản phẩm:.....
7. Ngày kiểm tra:.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần đoàn kiểm tra: 1).....
   2).....
   3).....
10. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Địa điểm kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]		
2	Hồ sơ kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]		
3	Nhân viên kỹ thuật	[ ]	[ ]	[ ]		
4	Giống cây trồng kinh doanh	[ ]			[ ]	
5	Nguồn gốc cây giống	[ ]		[ ]	[ ]	
6	Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản cây giống	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	

BB 1.11

STT	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
7	Ghi nhãn hàng hóa cây giống	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với cây giống	[ ]		[ ]	[ ]	
9	Chất lượng cây giống	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Đánh dấu "X" vào ô đã được xác định

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....
.....
.....
.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

a) Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu, tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

.....
.....

b) Chỉ định chỉ tiêu phân tích, kiểm định:

.....
.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....
.....
.....
.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:.....
.....
.....
.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.11

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng cây giống hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng cây giống
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng cây giống nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cây giống

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Địa điểm kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Địa điểm cố định, riêng biệt; diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh; xây dựng chắc chắn; vị trí thuận tiện cho việc nhập, xuất hàng; có biển hiệu rõ ràng dễ quan sát.

- Lỗi nhẹ: Địa điểm cố định, riêng biệt; nhưng không đảm bảo một trong những yêu cầu khác nêu trên;

- Lỗi nặng: Không đảm bảo các yêu cầu trên.

2. Hồ sơ kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Có sổ ghi chép về xuất, nhập, kèm theo hợp đồng, hóa đơn chứng từ cho từng loại giống, từng khách hàng.

- Lỗi nhẹ: Có sổ sách ghi chép quá trình kinh doanh nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng;

- Lỗi nặng: Không có hồ sơ kinh doanh.

3. Nhân viên kỹ thuật

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

- Lỗi nhẹ: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng, nhưng còn có hạn chế trong nhận biết loại giống kinh doanh và kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

- Lỗi nặng: Không có nhân viên kỹ thuật hoặc có nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng, nhưng không nhận biết được loại giống kinh doanh và kỹ thuật bảo quản giống cây trồng..

BB 1.11

4. Giống cây trồng kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Giống kinh doanh có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.

- Lỗi nghiêm trọng: Giống kinh doanh không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.

5. Nguồn gốc cây giống

- Đạt yêu cầu: Có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán cây giống với tổ chức, cá nhân sản xuất giống, trong đó ghi rõ các thông tin về tên giống, nguồn giống đã sử dụng nhân giống, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây;

- Lỗi nặng: Có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán cây giống với tổ chức, cá nhân sản xuất giống, nhưng chưa đầy đủ các thông tin về tên giống, nguồn giống đã sử dụng nhân giống, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây; hoặc có một số lô giống thiếu hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán cây giống với tổ chức, cá nhân sản xuất giống.

6. Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản

- Đạt yêu cầu: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản đảm bảo giữ được chất lượng cây giống. Đối với cây có múi phải được lưu giữ trong nhà lưới.

- Lỗi nhẹ: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản còn một số hạn chế nhưng chưa ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cây giống.

- Lỗi nặng: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng cây giống.

- Lỗi nghiêm trọng: Đối với cây có múi không lưu giữ trong nhà lưới.

7. Ghi nhãn hàng hóa cây giống

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin chủ yếu theo yêu cầu quy định.

- Lỗi nặng: Có ghi nhãn nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không ghi nhãn hoặc ghi nhãn với các thông tin giả mạo.

8. Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với cây giống

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác nội dung thông tin theo quy định.

- Lỗi nặng: Có công bố nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không công bố hoặc công bố sai sự thật.

9. Chất lượng cây giống

- Đạt yêu cầu: Tất cả các chỉ tiêu phân tích, kiểm định đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích, kiểm định trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

BB 1.11

III. PHÂN LOẠI

Loại A	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 2 lỗi nhẹ/tổng số 4 lỗi nhẹ.
Loại B	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 3 lỗi nặng/7 lỗi nặng; - Có tối đa 4 lỗi nhẹ/tổng số 4 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB 1.12

(Tên cơ quan kiểm tra)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Mã số Giấy phép sản xuất:..... ngày cấp..... lần cấp.....
7. Tên phân bón sản xuất:.....
8. Ngày kiểm tra:.....
9. Hình thức kiểm tra:.....
10. Thành phần đoàn kiểm tra: 1).....
    2).....
    3).....
11. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra, đánh giá				Diễn giải các sai lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
	A. Hồ sơ lưu trữ, báo cáo					
1	Hồ sơ khảo nghiệm	[ ]		[ ]	[ ]	
2	Hồ sơ công bố hợp quy	[ ]		[ ]	[ ]	
3	Nhật ký quá trình sản xuất	[ ]		[ ]	[ ]	
4	Hồ sơ kết quả kiểm nghiệm và lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm xuất xưởng	[ ]		[ ]	[ ]	

BB 1.12

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra, đánh giá				Diễn giải các sai lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
5	Báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm	[ ]	[ ]	[ ]		
	B. Địa điểm, diện tích mặt bằng, nhà xưởng, kho chứa, máy móc thiết bị sản xuất					
6	Địa điểm sản xuất	[ ]			[ ]	
7	Diện tích mặt bằng	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Diện tích nhà xưởng	[ ]			[ ]	
9	Diện tích kho/bãi chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm	[ ]			[ ]	
10	Yêu cầu kỹ thuật kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm	[ ]			[ ]	
11	Nội quy kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
12	Máy móc, thiết bị sản xuất	[ ]			[ ]	
	C. Quy trình công nghệ sản xuất					
13	Quy trình công nghệ sản xuất đối với từng loại phân bón	[ ]			[ ]	
	D. Quản lý chất lượng					
14	Hệ thống quản lý chất lượng	[ ]		[ ]	[ ]	
	Đ. Nguyên liệu, phụ gia sản xuất phân bón					
15	Bản kê khai nguyên liệu, phụ gia sản xuất phân bón	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
16	Nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu và phụ gia sản xuất phân bón	[ ]		[ ]	[ ]	
	E. Phòng kiểm nghiệm					
17	Phòng kiểm nghiệm	[ ]		[ ]	[ ]	
	G. Nhân lực					
18	Đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành	[ ]		[ ]		
19	Người lao động trực tiếp sản xuất	[ ]		[ ]	[ ]	
	H. Môi trường; phòng, chống cháy nổ; an toàn, vệ sinh lao động					
20	Điều kiện môi trường nơi sản xuất	[ ]		[ ]	[ ]	

BB 1.12

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra, đánh giá				Diễn giải các sai lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
21	Điều kiện phòng, chống cháy nổ	[ ]			[ ]	
22	Công tác an toàn - vệ sinh lao động	[ ]	[ ]	[ ]		
	I. Nhãn hàng hóa và chất lượng phân bón					
23	Nhãn hàng hóa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
24	Chất lượng phân bón	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

.....

.....

.....

.....

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

BB 1.12

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.12

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

A. Hồ sơ lưu trữ, báo cáo

1. Hồ sơ khảo nghiệm (chỉ kiểm tra hồ sơ khảo nghiệm phân bón theo quy định tại Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT)

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ và hợp lệ hồ sơ khảo nghiệm cho từng loại phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất theo quy định tại Mục V Phụ lục IX Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT hoặc theo quy phạm khảo nghiệm phân bón.

- Lỗi nặng: Có hồ sơ khảo nghiệm cho từng loại phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất, nhưng hồ sơ không hợp lệ theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hồ sơ khảo nghiệm cho ít nhất một loại phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất.

2. Hồ sơ công bố hợp quy

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ và hợp lệ hồ sơ công bố hợp quy cho từng loại sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT.

- Lỗi nặng: Có hồ sơ công bố hợp quy cho từng loại phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất, nhưng hồ sơ không hợp lệ theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hồ sơ công bố hợp quy cho ít nhất một loại sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón khác đang sản xuất.

BB 1.12

3. Nhật ký quá trình sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có ghi chép và lưu nhật ký quá trình sản xuất ít nhất là 02 năm đầy đủ.

- Lỗi nặng: Có ghi chép và lưu nhật ký quá trình sản xuất, nhưng không đầy đủ.

- Lỗi nghiêm trọng: Không ghi chép và lưu nhật ký quá trình sản xuất.

4. Hồ sơ kết quả kiểm nghiệm và lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm xuất xưởng

- Đạt yêu cầu: Có lưu kết quả kiểm nghiệm chất lượng và lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm xuất xưởng theo từng lô sản phẩm được sản xuất, bảo quản mẫu lưu ít nhất 06 tháng kể từ khi lấy mẫu.

- Lỗi nặng: Có kết quả kiểm nghiệm chất lượng và có lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm theo từng lô sản phẩm được sản xuất nhưng không đầy đủ hoặc thời gian bảo quản mẫu lưu dưới 06 tháng kể từ khi lấy mẫu.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có kết quả kiểm nghiệm chất lượng và không lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm theo từng lô sản phẩm được sản xuất.

5. Báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm

- Đạt yêu cầu: Có báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm đầy đủ.

- Lỗi nhẹ: Có báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm nhưng không đầy đủ hoặc không theo mẫu.

- Lỗi nặng: Không báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc báo cáo hàng năm.

B. Địa điểm, diện tích mặt bằng, nhà xưởng, kho chứa, máy móc thiết bị sản xuất

6. Địa điểm sản xuất

- Đạt yêu cầu: Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phải được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản đối với các dự án nhóm A hoặc có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về quy hoạch đối với các dự án nhóm B, C theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Lỗi nghiêm trọng: Địa điểm sản xuất không phù hợp với quy hoạch xây dựng, không được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

7. Diện tích mặt bằng

- Đạt yêu cầu: Đáp ứng yêu cầu về giao thông nội bộ, nhà điều hành, phòng kiểm nghiệm hoặc các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

- Lỗi nặng: Đáp ứng chưa đầy đủ một trong các yêu cầu về giao thông nội bộ, nhà điều hành, phòng kiểm nghiệm hoặc các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

- Lỗi nghiêm trọng: Không đáp ứng yêu cầu về giao thông nội bộ, nhà điều hành, phòng kiểm nghiệm hoặc các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

8. Diện tích nhà xưởng

- Đạt yêu cầu: Diện tích nhà xưởng phù hợp với công suất sản xuất.

- Lỗi nghiêm trọng: Diện tích nhà xưởng không đáp ứng với công suất sản xuất.

BB 1.12

9. Diện tích kho/bãi chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm

- Đạt yêu cầu: Diện tích kho/bãi chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phù hợp với công suất sản xuất hoặc kế hoạch sản xuất và tiêu thụ thành phẩm.

- Lỗi nghiêm trọng: Diện tích kho/bãi chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm không đáp ứng với công suất sản xuất hoặc kế hoạch sản xuất và tiêu thụ thành phẩm.

10. Yêu cầu kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm

- Đạt yêu cầu: Kho chứa có mái che, tường bao chắc chắn, có nền chống thấm và có các phương tiện bảo quản, trừ kho chứa nguyên liệu hữu cơ.

- Lỗi nghiêm trọng: Kho chứa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

11. Nội quy kho chứa

- Đạt yêu cầu: Có nội quy kho chứa đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn lao động đầy đủ.

- Lỗi nhẹ: Có đủ nội quy kho chứa tại các kho, nhưng nội dung không đầy đủ.

- Lỗi nặng: Có nội quy kho chứa, nhưng không đầy đủ tại các kho.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có nội quy kho chứa.

12. Máy móc, thiết bị sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại mục V Phụ lục VII Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT hoặc theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc có máy móc, thiết bị nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

C. Quy trình công nghệ sản xuất

13. Quy trình công nghệ sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ quy trình công nghệ sản xuất đối với từng loại phân bón phù hợp với máy móc thiết bị và công suất sản xuất.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không có đầy đủ quy trình công nghệ sản xuất đối với từng loại phân bón phù hợp với máy móc thiết bị và công suất sản xuất.

D. Hệ thống quản lý chất lượng

14. Hệ thống quản lý chất lượng *(*không kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu này đối với cơ sở mới thành lập dưới 1 năm tại thời điểm kiểm tra)

- Đạt yêu cầu: Có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trở lên hoặc tương đương.

- Lỗi nặng: Có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trở lên hoặc tương đương nhưng chứng chỉ quá hạn từ 03 tháng trở xuống.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trở lên hoặc tương đương hoặc có chứng chỉ nhưng quá hạn từ 03 tháng trở lên.

BB 1.12

Đ. Nguyên liệu, phụ gia sản xuất phân bón

15. Bản kê khai nguyên liệu, phụ gia sản xuất phân bón

- Đạt yêu cầu: Có bản kê khai loại nguyên liệu, phụ gia đầu vào tương ứng với từng loại phân bón sản xuất, phù hợp với công nghệ sản xuất.

- Lỗi nhẹ: Không có đầy đủ bản kê khai loại nguyên liệu, phụ gia đầu vào tương ứng với từng loại phân bón sản xuất, phù hợp với công nghệ sản xuất.

- Lỗi nặng: Không có bản kê khai loại nguyên liệu, phụ gia đầu vào tương ứng với từng loại phân bón sản xuất, phù hợp với công nghệ sản xuất.

- Lỗi nghiêm trọng: Loại nguyên liệu, phụ gia đầu vào không tương ứng với thành phần, hàm lượng từng loại phân bón đang sản xuất.

16. Nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu và phụ gia sản xuất phân bón

- Đạt yêu cầu: Nguyên liệu và phụ gia có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và có đủ chứng từ hợp lệ (hóa đơn mua bán hoặc hợp đồng).

- Lỗi nặng: Có chứng từ nhưng không đầy đủ.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và chứng từ không hợp lệ.

E. Phòng kiểm nghiệm

17. Phòng kiểm nghiệm

- Đạt yêu cầu: Có phòng kiểm nghiệm phân tích được các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc có hợp đồng với phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc công nhận và kèm theo Phiếu kết quả kiểm nghiệm để kiểm soát chất lượng cho từng lô thành phẩm xuất xưởng. Trường hợp có phòng kiểm nghiệm để tự kiểm nghiệm, các máy móc, thiết bị đo lường kiểm nghiệm phải có giấy kiểm định hiệu chuẩn định kỳ theo quy định.

- Lỗi nặng: Máy móc, thiết bị đo lường kiểm nghiệm có giấy kiểm định hiệu chuẩn nhưng quá hạn hoặc có ít nhất một lô phân bón được sản xuất nhưng không có Phiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng. Trường hợp thuê phòng kiểm nghiệm nhưng phòng kiểm nghiệm không được chỉ định hoặc không được công nhận.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không thuê phòng kiểm nghiệm để kiểm soát chất lượng cho từng lô phân bón được sản xuất theo quy định hoặc có phòng kiểm nghiệm nhưng máy móc, thiết bị đo lường kiểm nghiệm không có giấy kiểm định hiệu chuẩn hoặc không có Phiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng cho loại phân bón đang sản xuất.

G. Nhân lực

18. Đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành

- Đạt yêu cầu: Đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất có trình độ chuyên môn về hóa, lý hoặc sinh học, trong đó Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật phải có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

- Lỗi nặng: Có từ một trở lên người thuộc đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất; Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật không đáp ứng về chuyên môn theo quy định.

BB 1.12

19. Người lao động trực tiếp sản xuất

- Đạt yêu cầu: Toàn bộ người lao động trực tiếp sản xuất được huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về phân bón hữu cơ, phân bón khác theo quy định.

- Lỗi nặng: Có tối đa 1/3 người lao động trực tiếp sản xuất chưa được huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về phân bón hữu cơ, phân bón khác theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Có trên 2/3 người lao động trực tiếp sản xuất chưa được huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về phân bón hữu cơ, phân bón khác theo quy định.

H. Môi trường; phòng, chống cháy nổ; an toàn, vệ sinh lao động

20. Điều kiện môi trường nơi sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

- Lỗi nặng: Có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất nhưng không phù hợp theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

21. Điều kiện phòng, chống cháy nổ

- Đạt yêu cầu: Có đủ giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có liên quan;

- Lỗi nghiêm trọng: Không có giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có liên quan;

22. Công tác an toàn - vệ sinh lao động

- Đạt yêu cầu: Có Kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

BB 1.12

- Lỗi nhẹ: Có Kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, nhưng chưa đầy đủ, chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT.

- Lỗi nặng: Không có Kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT.

I. Nhãn hàng hóa và chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác

23. Nhãn hàng hóa:

- Đạt yêu cầu: Các nội dung, ngôn ngữ, vị trí nhãn, kích thước nhãn, màu sắc của chữ, ký hiệu, hình ảnh trên nhãn, cách ghi trên nhãn hàng hóa theo đúng quy định.

- Lỗi nhẹ: Nội dung ghi thêm che khuất nội dung bắt buộc ghi trên nhãn.

- Lỗi nặng: Các nội dung bắt buộc, ngôn ngữ, vị trí nhãn, kích thước nhãn, màu sắc của chữ, ký hiệu, hình ảnh trên nhãn, cách ghi trên nhãn hàng hóa theo đúng quy định nhưng nội dung ghi thêm không trung thực, không chính xác, phản ánh không đúng bản chất của phân bón hoặc làm sai lệch những nội dung bắt buộc ghi trên nhãn.

- Lỗi nghiêm trọng: Có ít nhất một trong các nội dung bắt buộc ghi trên nhãn hàng hóa không đúng quy định hoặc nội dung ghi thêm trái với pháp luật.

24. Chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác (lấy mẫu phân tích khi cần thiết)

- Đạt yêu cầu: Đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với tất cả các chỉ tiêu phân tích.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

III. PHÂN LOẠI

Loại A	**Phải đủ các yêu cầu sau:** - Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 2 lỗi nhẹ/tổng số 5 lỗi nhẹ.
Loại B	**Phải đủ các yêu cầu sau:** - Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 5 lỗi nặng/tổng số 16 lỗi nặng; - Có tối đa 5 lỗi nhẹ/tổng số 5 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB 1.13

(Tên cơ quan kiểm tra) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng
cơ sở kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Sản phẩm:.....
7. Ngày kiểm tra:.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần đoàn kiểm tra: 1).....
   2).....
   3).....
10. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra, đánh giá				Diễn giải các sai lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
	A. Hồ sơ lưu trữ					
1	Danh sách các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác hiện đang kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]		
2	Chứng từ, hóa đơn hợp pháp về nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp đối với từng loại phân bón hữu cơ, phân bón khác hiện đang kinh doanh	[ ]		[ ]	[ ]	

BB 1.13

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra, đánh giá				Diễn giải các sai lỗi và hành động, thời gian khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
3	Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy	[ ]		[ ]	[ ]	
4	Phiếu kiểm nghiệm chất lượng phân bón kèm theo lô phân bón	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
	B. Cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh					
5	Biển hiệu cửa hàng, bảng giá bán	[ ]	[ ]	[ ]		
6	Cách sắp xếp, bảo quản tại cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
7	Bao bì dụng cụ chứa đựng					
7.1	Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ và phương tiện vận chuyển	[ ]		[ ]	[ ]	
7.2	Công cụ hoặc thiết bị chứa đựng (đối với cửa hàng bán lẻ)	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Xử lý bao bì, vỏ chai, lọ phân bón hữu cơ, phân bón khác đã quá hạn sử dụng	[ ]		[ ]		
	C. Kho chứa sản phẩm					
9	Kho chứa	[ ]		[ ]		
10	Vị trí xây dựng, thiết kế kho chứa	[ ]		[ ]	[ ]	
11	Sắp xếp phân bón tại kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
	D. Môi trường; phòng, chống cháy nổ; an toàn - vệ sinh lao động					
12	Điều kiện môi trường nơi kinh doanh	[ ]		[ ]		
13	Điều kiện phòng, chống cháy nổ	[ ]	[ ]	[ ]		
14	Điều kiện an toàn - vệ sinh lao động	[ ]	[ ]	[ ]		
	Đ. Nhãn hàng hóa và chất lượng phân bón					
15	Nhãn hàng hóa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
16	Chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

BB 1.13

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ***(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*****:**

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...):

.....

.....

.....

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.13

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

A. Hồ sơ lưu trữ

1. Danh sách các loại phân bón hiện đang kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Có danh sách các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác.

- Lỗi nhẹ: Có danh sách các loại phân bón nhưng không đầy đủ các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác.

- Lỗi nặng: Không có danh sách các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác.

2. Chứng từ, hóa đơn hợp pháp về nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp đối với từng loại phân bón hữu cơ, phân bón khác hiện đang kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Có chứng từ, hóa đơn hợp pháp về nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp đối với từng loại phân bón hữu cơ, phân bón khác.

- Lỗi nặng: Có chứng từ, hóa đơn hợp pháp về nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp, nhưng không đầy đủ đối với từng loại phân bón.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có chứng từ, hóa đơn hợp pháp về nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp đối với từng loại phân bón hữu cơ, phân bón khác.

3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ các bản sao chụp Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của các loại phân bón hiện đang kinh doanh.

BB 1.13

- Lỗi nặng: Có nhưng không đầy đủ các bản sao chụp Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của các loại phân bón hiện đang kinh doanh.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có bản sao chụp Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của các loại phân bón hiện đang kinh doanh.

4. Phiếu kiểm nghiệm chất lượng phân bón kèm theo lô phân bón

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ bản sao chụp các phiếu kiểm nghiệm chất lượng theo lô sản phẩm của phòng kiểm nghiệm theo quy định; phiếu kiểm nghiệm có đủ các chỉ tiêu công bố tiêu chuẩn áp dụng.

- Lỗi nhẹ: Không có tối đa 1/3 bản sao chụp phiếu kiểm nghiệm chất lượng phân bón hoặc có đầy đủ bản sao chụp phiếu kiểm nghiệm chất lượng, nhưng phiếu kiểm nghiệm chỉ có các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng chính.

- Lỗi nặng: Không có trên 2/3 bản sao chụp phiếu kiểm nghiệm chất lượng phân bón hoặc có đầy đủ bản sao chụp phiếu kiểm nghiệm chất lượng, nhưng phiếu kiểm nghiệm không đủ các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng chính.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có bản sao chụp phiếu kiểm nghiệm chất lượng phân bón.

B. Cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh

5. Biển hiệu, bảng giá bán

- Đạt yêu cầu: Có biển hiệu, có bảng giá bán công khai niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc đối với các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác hiện đang kinh doanh.

- Lỗi nhẹ: Có biển hiệu, có bảng giá bán công khai nhưng không niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc hoặc không đầy đủ đối với các loại phân bón hữu cơ và phân bón khác hiện đang kinh doanh.

- Lỗi nặng: Không có biển hiệu hoặc không có bảng giá bán công khai.

6. Cách sắp xếp, bảo quản tại cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Phân bón hữu cơ, phân bón khác bày bán phải được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, phải được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường đối với các loại phân bón.

- Lỗi nhẹ: Phân bón hữu cơ, phân bón khác bày bán không được xếp đặt riêng rẽ, để lẫn với các loại hàng hóa khác, nhưng được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường.

- Lỗi nặng: Phân bón hữu cơ, phân bón khác bày bán được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, nhưng không được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường.

- Lỗi nghiêm trọng: Phân bón hữu cơ, phân bón khác bày bán không được xếp đặt riêng rẽ, việc bảo quản không đảm bảo giữ được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường

BB 1.13

7. Bao bì, dụng cụ chứa đựng

7.1. Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ và phương tiện vận chuyển

- Đạt yêu cầu: Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ và phương tiện vận chuyển bảo đảm được chất lượng; không rò rỉ, phát tán ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Lỗi nặng: Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ và phương tiện vận chuyển bị rò rỉ, phát tán ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Lỗi nghiêm trọng: Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ và phương tiện vận chuyển không bảo đảm được chất lượng phân bón và rò rỉ, phát tán ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

7.2. Công cụ hoặc thiết bị chứa đựng (đối với cửa hàng bán lẻ)

- Đạt yêu cầu: Công cụ, thiết bị chứa đựng phải đảm bảo được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường.

- Lỗi nặng: Công cụ, thiết bị chứa đựng đảm bảo được chất lượng, nhưng không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.

- Lỗi nghiêm trọng: Công cụ, thiết bị chứa đựng không đảm bảo được chất lượng và điều kiện vệ sinh môi trường.

8. Xử lý bao bì, vỏ chai, lọ phân bón hữu cơ, phân bón khác đã quá hạn sử dụng

- Đạt yêu cầu: Có biện pháp xử lý bao bì, vỏ chai, lọ phân bón đã quá hạn sử dụng.

- Lỗi nặng: Không có biện pháp xử lý bao bì, vỏ chai, lọ phân bón đã quá hạn sử dụng.

C. Kho chứa sản phẩm

9. Kho chứa (trừ cửa hàng bán lẻ)

- Đạt yêu cầu: Có kho chứa hoặc hợp đồng thuê kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác thành phẩm

- Lỗi nặng: Không có kho chứa hoặc hợp đồng thuê kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác thành phẩm.

10. Vị trí xây dựng, thiết kế kho chứa

- Đạt yêu cầu: Vị trí xây dựng, thiết kế phù hợp, đảm bảo chứa hết các loại phân bón đang kinh doanh, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, về phòng chống cháy nổ.

- Lỗi nặng: Không đủ công suất chứa hết các sản phẩm kinh doanh hoặc không đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kho chứa.

- Lỗi nghiêm trọng: Vị trí xây dựng, thiết kế không phù hợp với phân bón đang kinh doanh, không đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, về phòng chống cháy nổ.

11. Cách sắp xếp, bảo quản trong kho chứa

- Đạt yêu cầu: Kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác phải được xếp đặt tách biệt với các hàng hóa khác, không bị ảnh hưởng trực tiếp của mưa, nắng, gió, bảo đảm vệ sinh môi trường, không rò rỉ, gây mùi làm ô nhiễm khu vực lân cận.

BB 1.13

- Lỗi nhẹ: Kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác không được xếp đặt riêng rẽ, để lẫn với các loại hàng hóa khác, nhưng không bị ảnh hưởng trực tiếp của mưa, nắng, gió, bảo đảm vệ sinh môi trường, không rò rỉ, gây mùi làm ô nhiễm khu vực lân cận.

- Lỗi nặng: Kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, nhưng bị ảnh hưởng trực tiếp của mưa, nắng, gió, bảo đảm vệ sinh môi trường, rò rỉ, gây mùi làm ô nhiễm khu vực lân cận.

- Lỗi nghiêm trọng: Kho chứa phân bón hữu cơ, phân bón khác không được xếp đặt tách biệt với các hàng hóa khác, việc bảo quản bị ảnh hưởng trực tiếp của mưa, nắng, gió, bảo đảm vệ sinh môi trường, rò rỉ, gây mùi làm ô nhiễm khu vực lân cận.

D. Môi trường; phòng, chống cháy nổ; an toàn - vệ sinh lao động

12. Điều kiện môi trường nơi kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Đảm bảo điều kiện môi trường theo quy định

- Lỗi nặng: Không đảm bảo điều kiện môi trường theo quy định

13. Điều kiện phòng, chống cháy nổ

- Đạt yêu cầu: Có đủ giấy tờ tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ;

- Lỗi nhẹ: Có nhưng không đầy đủ các giấy tờ tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ;

- Lỗi nặng: Không có giấy tờ tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ.

14. Điều kiện an toàn - vệ sinh lao động

- Đạt yêu cầu: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định về điều kiện an toàn - vệ sinh lao động.

- Lỗi nhẹ: Đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu quy định về điều kiện an toàn - vệ sinh lao động.

- Lỗi nặng: Không đáp ứng các yêu cầu quy định về điều kiện an toàn - vệ sinh lao động.

15. Nhãn hàng hóa

- Đạt yêu cầu: Các nội dung, ngôn ngữ, vị trí nhãn, kích thước nhãn, màu sắc của chữ, ký hiệu, hình ảnh trên nhãn, cách ghi trên nhãn hàng hóa theo đúng quy định.

- Lỗi nhẹ: Nội dung ghi thêm che khuất nội dung bắt buộc ghi trên nhãn.

- Lỗi nặng: Các nội dung bắt buộc, ngôn ngữ, vị trí nhãn, kích thước nhãn, màu sắc của chữ, ký hiệu, hình ảnh trên nhãn, cách ghi trên nhãn hàng hóa theo đúng quy định nhưng nội dung ghi thêm không trung thực, không chính xác, phản ánh không đúng bản chất của phân bón hoặc làm sai lệch những nội dung bắt buộc ghi trên nhãn.

- Lỗi nghiêm trọng: Có ít nhất một trong các nội dung bắt buộc ghi trên nhãn hàng hóa không đúng quy định hoặc nội dung ghi thêm trái với pháp luật.

BB 1.13

16. Chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác (lấy mẫu phân tích khi cần thiết)

- Đạt yêu cầu: Đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với tất cả các chỉ tiêu phân tích.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

III. PHÂN LOẠI

Loại A	**Phải đủ các yêu cầu sau:** - Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 4 lỗi nhẹ/tổng số 8 lỗi nhẹ.
Loại B	**Phải đủ các yêu cầu sau:** - Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 7 lỗi nặng/16 lỗi nặng; - Có tối đa 8 lỗi nhẹ/tổng số 8 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB 1.14

(Tên cơ quan kiểm tra) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng
cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Căn cứ Quyết định số...../..... ngày...../...../..... của.....
.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Ngày kiểm tra:.....

2. Tên cơ sở kiểm tra:.....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
- Người đại diện:..... Chức vụ:.....

3. Thành phần Đoàn kiểm tra:.....
.....
.....

4. Sản phẩm sản xuất:.....

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Chỉ tiêu		Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
			Đạt	Mức lỗi			
				Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng	
I		**Nhóm các tiêu chí về địa điểm, nhà xưởng, trang thiết bị**					
1		***Địa điểm***					
1.1	1	Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	[ ]		[ ]		
1.2	2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV	[ ]			[ ]	
1.3	3	Địa điểm khu nhà xưởng và kho thuốc BVTV	[ ]			[ ]	
1.4	4	Khoảng cách với trường học, bệnh viện, chợ	[ ]	[ ]	[ ]		
1.5	5	Không bị ngập nước	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	

BB 1.14

Chỉ tiêu		Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
			Đạt	Mức lỗi			
				Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng	
2		***Nhà xưởng, kho chứa***					
2.1	6	Thiết kế, xây dựng	[ ]	[ ]	[ ]		
2.2	7	Bố trí nhà xưởng và kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]		
2.3	8	Bố trí hàng hóa trong nhà xưởng và kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
2.4	9	Quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói.	[ ]	[ ]	[ ]		
2.5	10	Trang thiết bị, dây chuyền sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]		
II		**Nhóm các tiêu chí về hệ thống phụ trợ: Hệ thống xử lý chất thải, Phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, vệ sinh nhà xưởng**					
1	11	Hệ thống xử lý chất thải	[ ]		[ ]	[ ]	
2	12	Phòng chống cháy nổ	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
3	13	Bảo vệ môi trường	[ ]		[ ]	[ ]	
4	14	An toàn vệ sinh lao động	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
III		**Nhóm các tiêu chí về nhân lực, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động**					
1	15	Nhân lực	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
3	16	Bảo hộ lao động	[ ]	[ ]	[ ]		
IV		**Nhóm các tiêu chí về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của cơ sở**					
1	17	Hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
2	18	Nội dung ghi nhãn	[ ]	[ ]	[ ]		
3	19	Chất lượng của sản phẩm	[ ]		[ ]	[ ]	
		Tổng số:					

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

BB 1.14

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...):

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.14

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

A. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

1. Lỗi nghiêm trọng: Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng.

2. Lỗi nặng: Là sai lệch so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật nếu kéo dài lỗi này sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nhưng chưa đến mức nghiêm trọng.

3. Lỗi nhẹ: Là sai lệch so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng nhưng chưa đến mức nặng

B. PHÂN LOẠI

- Loại A: Không có lỗi nặng và nghiêm trọng, có ≤ 1/3 kết quả kiểm tra có lỗi nhẹ.

- Loại B: Không có lỗi nghiêm trọng, có ≤ 1/3 lỗi nặng hoặc > 1/3 kết quả kiểm tra có lỗi nhẹ.

- Loại C: Kết quả kiểm tra có > 1/3 lỗi nặng hoặc có lỗi nghiêm trọng.

C. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm các tiêu chí về địa điểm, nhà xưởng và trang thiết bị

1. Địa điểm

1.1. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV

- Đạt yêu cầu: Có đăng ký ngành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

- Lỗi nặng: Đăng ký không có ngành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

1.2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV

- Đạt yêu cầu: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV.

1.3. Địa điểm khu nhà xưởng và kho thuốc BVTV

- Đạt yêu cầu: Nằm trong khu công nghiệp hoặc có văn bản đồng ý của chính quyền về địa điểm nằm ngoài khu công nghiệp; Nhà xưởng và kho chứa có tường bao ngăn cách với bên ngoài.

- Lỗi nghiêm trọng: Nằm ngoài khu công nghiệp nhưng không có hoặc có văn bản không đồng ý của chính quyền mà vẫn hoạt động.

BB 1.14

1.4. Khoảng cách với trường học, bệnh viện, chợ

- Đạt yêu cầu: Cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 200 m

- Lỗi nhẹ: Không đảm bảo khoảng cách với một trong các yêu cầu trên

- Lỗi nặng: Gần sát trường học, bệnh viện, chợ.

1.5. Không bị ngập nước

- Đạt yêu cầu: Không bị ngập trong mọi tình huống

- Lỗi nhẹ: Bị ngập trong một vài tình huống

- Lỗi nặng: Ngập trong mùa mưa lũ

- Lỗi nghiêm trọng: Ngập thường xuyên

2. Nhà xưởng và kho chứa

2.1. Thiết kế, xây dựng

- Đạt yêu cầu:

+ Nhà xưởng: Đạt tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN:2622/1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế; TCVN 4604/1988: Xí nghiệp công nghiệp, nhà sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ Vật liệu xây dựng nhà xưởng, kho chứa là vật liệu cách nhiệt, không bắt lửa, không dễ cháy; Khung nhà được làm bằng bê tông hoặc thép. Sàn nhà được làm bằng vật liệu không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt, không có khe nứt và có gờ hay lề bao quanh chống tràn; Có kệ kê hàng cao ít nhất là 10 cm.

+ Nhà xưởng, kho chứa phải có lối thoát hiểm và được chỉ dẫn rõ ràng bằng biển hiệu, sơ đồ; Bên ngoài kho phải có biển "Cấm lửa", chữ to, màu đỏ.

- Lỗi nhẹ: Không có một trong các yêu cầu trên.

- Lỗi nặng: Không có từ hai yêu cầu trở lên.

2.2. Bố trí nhà xưởng và kho chứa

- Đạt yêu cầu: Nhà xưởng sản xuất và kho chứa phải ngăn cách; Kho chứa có khu thành phẩm và khu nguyên liệu riêng biệt.

- Lỗi nhẹ: Nhà xưởng và kho chứa có ngăn cách, nhưng kho chứa không có khu thành phẩm và khu nguyên liệu riêng.

- Lỗi nặng: Không ngăn cách, riêng biệt xưởng sản xuất và kho

2.3. Bố trí hàng hóa trong nhà xưởng, kho chứa

- Đạt yêu cầu: Bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý, phân loại theo nguy cơ, cháy, nổ và bảo đảm tách riêng các thuốc bảo vệ thực vật có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau. Thuốc BVTV trong kho phải sắp xếp trên các kệ kê hàng cao ít nhất là 10 cm, cách tường ít nhất 20 cm; xếp riêng biệt thuốc nguyên liệu, thuốc thành phẩm; lối đi chính rộng tối thiểu 1,5 m thuận lợi cho đi lại và các hoạt động: phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát;

BB 1.14

- Lỗi nhẹ: Sắp xếp không gọn gàng.

- Lỗi nặng: Lối đi chính chật hẹp; Kho chứa không có kệ kê hàng.

- Lỗi nghiêm trọng: Không đảm bảo các yêu cầu trên.

2.4 Quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói

- Đạt yêu cầu: Có quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói bảo đảm chất lượng thuốc BVTV, thực hiện theo đúng quy trình.

- Lỗi nhẹ: Có quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói bảo đảm chất lượng thuốc BVTV nhưng không đầy đủ.

- Lỗi nặng: Không có quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV hoặc có quy trình nhưng không phù hợp.

2.5 Trang thiết bị, dây chuyền sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có dây chuyền, công nghệ sản xuất, gia công thuốc BVTV phù hợp và đảm bảo chất lượng thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở sản xuất ra, hoạt động tốt.

- Lỗi nhẹ: Có 50% dây chuyền bán tự động.

- Lỗi nặng: Không có dây chuyền, công nghệ sản xuất, gia công thuốc BVTV phù hợp hoặc có nhưng không hoạt động được, hoặc 100% thủ công.

II. Nhóm các tiêu chí về hệ thống phụ trợ: Hệ thống xử lý chất thải, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toan vệ sinh lao động

1. Hệ thống xử lý chất thải

- Đạt yêu cầu: Nhà xưởng có hệ thống xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn theo đúng quy định về xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng thu gom xử lý chất thải rắn nguy hại đối với cơ sở được cấp phép; Kho chứa có hệ thống thông gió; có nơi chứa chất thải nguy hại kín, riêng biệt với khu sản xuất.

- Lỗi nặng: Có nhưng không đầy đủ hoặc hoạt động không bảo đảm yêu cầu.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc có nhưng không hoạt động.

2. Phòng chống cháy nổ

- Đạt yêu cầu: Có phương án phòng chống cháy nổ được phê duyệt; Có nội quy PCCC, tiêu lệnh, biển hiệu "cấm lửa"; Có biển biểu trưng nguy hiểm in đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch có kích thước như quy định tại thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật của Bộ NNN&PTNT; Có các thiết bị, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định của công an PCCC, để ở nơi thuận tiện khi sử dụng.

- Lỗi nhẹ: Thiếu một trong các yêu cầu trên

- Lỗi nặng: Trang thiết bị PCCC để ở vị trí không phù hợp, không vận hành được

- Lỗi nghiêm trọng: Không có

3. Bảo vệ môi trường

- Đạt yêu cầu: Cơ sở sản xuất phải áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 hoặc tương đương; có Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; phải có Báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

BB 1.14

- Lỗi nặng: Thiếu một trong các yêu cầu trên

- Lỗi nghiêm trọng: Không có

4. An toàn vệ sinh lao động

- Đạt yêu cầu: Có Quy trình vệ sinh nhà xưởng, thiết bị và được thực hiện theo đúng quy trình; Có bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất; Có phiếu an toàn hóa chất của tất cả các hóa chất được lưu trữ; Có nội quy an toàn lao động, có khu vực riêng biệt để thay đồ cho công nhân trước và sau ca sản xuất, có khu vực tắm, rửa, có nước sạch và xà phòng.

- Lỗi nhẹ: Không có một trong những yêu cầu trên

- Lỗi nặng: Không có Quy trình vệ sinh nhà xưởng, thiết bị và không có nội quy an toàn lao động.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có tất cả những yêu cầu trên

III. Nhóm các tiêu chí về nhân lực, bảo hộ lao động

1. ***Nhân lực***

- Đạt yêu cầu:

+ Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học;

+ Người trực tiếp quản lý, điều hành các cán bộ liên quan trực tiếp đến sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, an toàn hóa chất, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy.

+ Người trực tiếp sản xuất phải có Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật; an toàn hóa chất, an toàn vệ sinh lao động; phòng chống cháy nổ; được tập huấn về quy trình sản xuất các biện pháp phòng ngừa, xử lý sự cố đối với thuốc bảo vệ thực vật.

+ Thủ kho phải có Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật; an toàn hóa chất, an toàn vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; vận chuyển và bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.

+ Người trực tiếp quản lý sản xuất tham gia đầy đủ lớp tập huấn kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật tổ chức định kỳ hàng năm.

- Lỗi nhẹ: Không có một hoặc hai trong những yêu cầu trên trừ yêu cầu người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học.

- Lỗi nặng: Không có ba trong những yêu cầu trên trở lên trừ yêu cầu người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học.

- Lỗi nghiêm trọng: Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất không có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học.

BB 1.14

2. Bảo hộ lao động

- Đạt yêu cầu: Có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động (găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt, quần áo bảo hộ) khi tiếp xúc với thuốc BVTV.

- Lỗi nhẹ: Có trang bị nhưng không sử dụng (găng tay, khẩu trang).

- Lỗi nặng: Không có các trang bị bảo hộ lao động.

IV. Nhóm các tiêu chí về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của cơ sở

1. Hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở

- Đạt yêu cầu: Thực hiện theo tiêu chuẩn ISO, GMP hoặc có phòng kiểm nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm có đủ năng lực kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật, để kiểm tra tất cả các lô thuốc BVTV trước khi xuất xưởng và có hồ sơ lưu kết quả kiểm tra.

- Lỗi nhẹ: Có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm (có phòng KCS) hoặc có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm có đủ năng lực kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật để kiểm tra chất lượng các lô thuốc trước khi xuất xưởng nhưng không kiểm tra đầy đủ chất lượng các lô thuốc BVTV lúc xuất xưởng (hồ sơ lưu kết quả kiểm tra không đầy đủ).

- Lỗi nặng: Có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm nhưng không thực hiện kiểm tra chất lượng các lô thuốc trước khi xuất xưởng (không có hồ sơ lưu).

- Lỗi nghiêm trọng: Không có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm và không có hợp đồng với phòng thử nghiệm có đủ năng lực kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật để kiểm tra chất lượng các lô thuốc trước khi xuất xưởng.

2. Nội dung ghi nhãn

- Đạt yêu cầu: Nhãn thuốc bảo vệ thực vật ghi đúng quy định.

- Lỗi nhẹ: Có một số nội dung ghi nhãn không đúng quy định.

- Lỗi nặng: Nhãn ghi không đúng quy định hoặc không ghi đủ, đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn chính. Hoặc nhãn chính ghi không đủ thông tin bắt buộc mà không có nhãn phụ kèm theo.

3. Chất lượng của sản phẩm

- Đạt yêu cầu: Thuốc trong danh mục, thuốc đạt yêu cầu chất lượng theo quy định (nếu có lấy mẫu kiểm tra chất lượng).

- Lỗi nặng: Có thuốc không đạt chất lượng.

- Lỗi nghiêm trọng: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc ngoài danh mục hoặc thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam.

BB 1.15

(Tên cơ quan kiểm tra) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Căn cứ Quyết định số...../..... ngày...../...../..... của.....

.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Ngày kiểm tra:.....

2. Tên cơ sở kiểm tra:.....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
- Người đại diện:..... Chức vụ:.....

.....

.....

3. Thành phần Đoàn kiểm tra:.....

.....

.....

4. Sản phẩm buôn bán:.....

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Chỉ tiêu		Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
			Đạt	Mức lỗi			
				Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng	
I		**Nhóm các tiêu chí về địa điểm, cửa hàng buôn bán và kho chứa thuốc BVTV**					
1		***Địa điểm***					
1.1	1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	[ ]		[ ]		
1.2	2	Có địa điểm theo đăng ký kinh doanh và văn bản đồng ý của chính quyền cấp xã, phường về địa điểm	[ ]		[ ]		Đánh giá đối với các cửa hàng trực tiếp buôn bán thuốc BVTV

BB 1.15

Chỉ tiêu		Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
			Đạt	Mức lỗi			
				Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng	
1.3	3	Có địa điểm theo đăng ký kinh doanh; Hợp đồng thuê, mượn kho lưu chứa, bảo quản thuốc BVTV với những cơ sở đủ điều kiện	[ ]		[ ]		Đánh giá đối với những Công ty, doanh nghiệp có hoạt động buôn bán thuốc BVTV
1.4	4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	[ ]			[ ]	
1.5	5	Khoảng cách với nguồn nước	[ ]	[ ]	[ ]		
1.6	6	Không bị ngập nước	[ ]	[ ]		[ ]	
2		***Yêu cầu đối với cửa hàng buôn bán, kho chứa***					
2.1	7	Yêu cầu đối với cửa hàng buôn bán, kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
2.2	8	Bố trí hàng hóa trong cửa hàng buôn bán và kho chứa	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
II		**Nhóm các tiêu chí về hệ thống phụ trợ: Phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải**					
1	9	Phòng chống cháy nổ	[ ]	[ ]	[ ]		
2	10	Bảo vệ môi trường	[ ]		[ ]		
3	11	Xử lý chất thải	[ ]	[ ]	[ ]		
III		**Nhóm các tiêu chí về nhân lực, sử dụng bảo hộ lao động**					
1	12	Chủ cơ sở, người trực tiếp quản lý cửa hàng, người bán hàng	[ ]	[ ]		[ ]	
2	13	Sử dụng bảo hộ lao động	[ ]	[ ]	[ ]		
IV		**Nhóm các tiêu chí về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của cơ sở**					
1	14	Sổ ghi chép và các giấy tờ theo dõi hàng hóa	[ ]	[ ]	[ ]		
2	15	Có bảng niêm yết giá tại cửa hàng	[ ]	[ ]	[ ]		

BB 1.15

Chỉ tiêu		Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
3	16	Phiếu kiểm tra chất lượng các lô hàng nhập khẩu	[ ]		[ ]	[ ]	(Chỉ đánh giá đối với Công ty nhập khẩu sản phẩm)
4	17	Chất lượng sản phẩm, nguồn gốc và các yêu cầu khác đối với sản phẩm	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
		Tổng số:					

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.15

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

A. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

1. Lỗi nghiêm trọng: Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng.

2. Lỗi nặng: Là sai lệch so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật nếu kéo dài lỗi này sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nhưng chưa đến mức nghiêm trọng.

3. Lỗi nhẹ: Là sai lệch so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng nhưng chưa đến mức nặng.

B. PHÂN LOẠI

- Loại A: Không có lỗi nặng và nghiêm trọng, có $\leq$ 1/3 kết quả kiểm tra có lỗi nhẹ.

- Loại B: Không có lỗi nghiêm trọng, có $\leq$ 1/3 lỗi nặng hoặc > 1/3 kết quả kiểm tra có lỗi nhẹ.

- Loại C: Kết quả kiểm tra có > 1/3 lỗi nặng hoặc có lỗi nghiêm trọng.

C. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm các tiêu chí về địa điểm, cửa hàng buôn bán và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật

1. Địa điểm

1.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề

- Lỗi nặng: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không đăng ký ngành nghề kinh doanh vật tư nông nghiệp hoặc thuốc BVTV

1.2. Địa điểm: Đánh giá đối với các cửa hàng trực tiếp buôn bán thuốc BVTV

Địa điểm đúng đăng ký kinh doanh và có xác nhận đồng ý của chính quyền cấp xã, phường.

- Đạt yêu cầu: Có địa điểm đúng quy định

- Lỗi nặng: Không có hoặc có xác nhận không đồng ý hoặc nằm trong khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

1.3. Địa điểm: Đánh giá đối với những Công ty, doanh nghiệp có hoạt động buôn bán thuốc BVTV:

BB 1.15

Địa điểm đúng đăng ký kinh doanh, có Hợp đồng thuê, mượn địa điểm kho lưu chứa, bảo quản thuốc BVTV của những cơ sở đảm bảo điều kiện như: Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều buôn bán thuốc BVTV, trong khu công nghiệp, trong khu vực đủ điều kiện chứa hóa chất, các cơ sở cho thuê kho tập trung...).

- Đạt yêu cầu: Có địa điểm đúng quy định

- Lỗi nặng: Không có.

1.3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Đạt yêu cầu: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV.

1.4. Khoảng cách với nguồn nước:

- Đạt yêu cầu: Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 20m, (riêng đồng bằng sông Cửu Long cách xa nguồn nước ít nhất là 10m kể từ mép bờ sông, kênh, rạch) và cửa hàng được gia cố bờ kè chắc chắn.

- Lỗi nhẹ: Không đảm bảo khoảng cách, nhưng được gia cố bờ kè chắc chắn.

- Lỗi nặng: Sát sông, kênh, rạch và không được gia cố bờ kè chắc chắn

1.5. Không bị ngập nước:

- Đạt yêu cầu: Không bị ngập nước trong mọi tình huống

- Lỗi nhẹ: Ngập trong mùa mưa lũ

- Lỗi nghiêm trọng: Ngập thường xuyên

2. Yêu cầu đối với cửa hàng buôn bán, kho chứa

2.1. Yêu cầu đối với cửa hàng và kho chứa:

- Đạt yêu cầu:

+ Cửa hàng buôn bán: Có biển hiệu ghi rõ ràng bằng tiếng Việt: tên chủ cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, địa chỉ kinh doanh (Đối với công ty kinh doanh có biển Công ty theo quy định), phải là nhà cấp 4 trở lên, có diện tích phù hợp; Có tủ trưng bày thuốc BVTV.

+ Nơi chứa thuốc của cửa hàng và kho chứa thuốc BVTV dưới 5000 kg: có diện tích phù hợp; Tường và mái nhà phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa; nền cao ráo; thông thoáng, không ẩm, dột, ngập úng; thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn và nhận diện được thuốc; có kệ kê hàng cách mặt đất ít nhất 10cm; Bên ngoài kho phải có biển "Cấm lửa", chữ to, màu đỏ.

+ Đối với kho chứa thuốc BVTV từ 5000 kg trở lên: Bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý. Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 centimét (cm), cách tường ít nhất 20 centimét (cm). Lối đi chính rộng tối thiểu 1,5 mét (m), thuận tiện cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát; Vật liệu xây dựng kho không bắt lửa, không dễ cháy; khung nhà được làm bằng bê tông hoặc thép. Sàn được làm bằng vật liệu không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt, không có khe nứt và có các gờ hay lề bao quanh; Có lối thoát hiểm, được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ) và dễ mở khi xảy ra sự cố, Bên ngoài kho phải có biển "Cấm lửa", chữ to, màu đỏ.

BB 1.15

- Lỗi nhẹ: Không phù hợp với một trong các yêu cầu trên.

- Lỗi nặng: Cửa hàng buôn bán không có tủ trưng bày thuốc BVTV hoặc kho chứa không đảm bảo các yêu cầu trên.

- Lỗi nghiêm trọng: Cửa hàng và kho chứa không có các yêu cầu trên

2.2 Bố trí trong cửa hàng buôn bán, kho chứa

- Đạt yêu cầu: Thuốc BVTV phải được sắp xếp gọn gàng trong tủ trưng bày và trên các kệ kê hàng, cách tường ít nhất 20cm; xếp riêng biệt thuốc BVTV và phân bón; đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ; có lối đi vào đủ rộng. Có nơi chứa riêng biệt thuốc quá hạn sử dụng chờ trả lại nơi sản xuất.

- Lỗi nhẹ: Sắp xếp không gọn gàng hoặc thuốc BVTV sắp xếp lẫn lộn với phân bón, vật tư nông nghiệp khác (nếu có).

- Lỗi nặng: Buôn bán cùng các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác trừ phân bón hoặc thuốc quá hạn sử dụng để lẫn lộn với thuốc BVTV đang kinh doanh.

- Lỗi nghiêm trọng: Buôn bán cùng các hàng hóa thực phẩm (hàng ăn, uống)

II. Nhóm các tiêu chí về hệ thống phụ trợ: Phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải

1. Phòng chống cháy nổ:

- Đạt yêu cầu: Có nội quy PCCC, có các trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo quy định và được để ở nơi dễ nhìn thấy, dễ sử dụng.

- Lỗi nhẹ: Trang thiết bị, dụng cụ PCCC không đầy đủ hoặc để ở vị trí không thuận tiện khi sử dụng.

- Lỗi nặng: Không có

2. Bảo vệ môi trường:

- Đạt yêu cầu: Cơ sở Buôn bán phải có đầy đủ các văn bản về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Lỗi nặng: Không có

3. Xử lý chất thải (bao bì thuốc bị rách, thuốc đổ vỡ)

- Đạt yêu cầu: Có nơi chứa chất thải riêng biệt; có dụng cụ, vật liệu để xử lý kịp thời khi thuốc BVTV đổ, vỡ, rách rơi vãi (xô, xẻng, cát, vôi bột,...);

- Lỗi nhẹ: Không có đầy đủ các yêu cầu nêu trên

- Lỗi nặng: Không có

III. Nhóm các tiêu chí về nhân lực, sử dụng bảo hộ lao động

1. Nhân lực: Chủ cơ sở, người trực tiếp quản lý cửa hàng và người trực tiếp bán hàng

- Đạt yêu cầu:

+ Chủ cơ sở buôn bán thuốc, người trực tiếp điều hành cơ sở buôn bán thuốc (Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các thành viên công ty hợp danh; người đứng đầu chi nhánh hoặc cấp phó

BB 1.15

của người đứng đầu chi nhánh của doanh nghiệp; một trong những người quản lý cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng đại lý của doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ bảo vệ thực vật; người trực tiếp quản lý cửa hàng đối với cửa hàng buôn bán thuốc tại một địa điểm cố định) và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

+ Chủ cơ sở buôn bán thuốc, người trực tiếp điều hành và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật tham gia đầy đủ lớp tập huấn kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật tổ chức định kỳ hàng năm.

- Lỗi nhẹ: Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp điều hành hoặc người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ lớp tập huấn kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật tổ chức định kỳ hàng năm.

- Lỗi nghiêm trọng: Chủ cơ sở buôn bán thuốc, người trực tiếp điều hành cơ sở buôn bán thuốc không có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc không có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

2. Sử dụng bảo hộ lao động

- Đạt yêu cầu: Có trang bị và có sử dụng găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.

- Lỗi nhẹ: Có trang bị nhưng không đầy đủ hoặc không sử dụng (găng tay, khẩu trang).

- Lỗi nặng: Không có

IV. Nhóm các tiêu chí về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của cơ sở

1. Sổ ghi chép và các giấy tờ theo dõi hàng hóa

- Đạt yêu cầu: Có lưu các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc BVTV; có sổ ghi chép theo dõi xuất, nhập, buôn bán thuốc BVTV.

- Lỗi nhẹ: Không có sổ ghi chép theo dõi xuất, nhập, buôn bán thuốc BVTV.

- Lỗi nặng: Không có các yêu cầu trên

2. Có bảng niêm yết giá tại cửa hàng:

- Đạt yêu cầu: Có bảng niêm yết giá tại cửa hàng

- Lỗi nhẹ: Có nhưng không ghi đầy đủ.

- Lỗi nặng: Không có

3. Phiếu kiểm tra chất lượng các lô hàng nhập khẩu (chỉ tiêu này đánh giá đối với Công ty nhập khẩu sản phẩm)

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ Phiếu kiểm tra chất lượng các lô hàng nhập khẩu đúng quy định.

- Lỗi nặng: Có Phiếu kiểm tra chất lượng các lô hàng nhập khẩu nhưng không đúng quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có

BB 1.15

4. Chất lượng sản phẩm, nguồn gốc và các yêu cầu khác đối với sản phẩm

- Đạt yêu cầu: Thuốc trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam; thuốc đang trong thời hạn sử dụng; có nhãn đúng quy định.

- Lỗi nhẹ: Buôn bán thuốc có nhãn không đúng quy định.

- Lỗi nặng: Đang buôn bán thuốc quá hạn sử dụng hoặc có thuốc không đạt chất lượng (nếu lấy mẫu kiểm tra chất lượng).

- Lỗi nghiêm trọng: Buôn bán thuốc ngoài danh mục, không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc thuốc bảo vệ thực vật giả hoặc thuốc không có nhãn hoặc thuốc cấm sử dụng ở Việt Nam.

BB 1.16

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở.....
2. Địa chỉ.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại: Số Fax (*nếu có*):.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Mặt hàng sản xuất (chăn nuôi, đánh bắt...):.....
7. Ngày kiểm tra:...../...../.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần Đoàn kiểm tra: 1).....
   2).....
   3).....
10. Đại diện cơ sở: 1).....
    2).....

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Giải thích/ ghi chú/ mức độ
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
I	**Cơ sở sản xuất, kinh doanh; Điều kiện sản xuất, kinh doanh**				
1	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc giao quản lý, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	[ ]	[ ]	[ ]	
2	Tỷ lệ cán bộ, nhân viên trực tiếp điều hành, vận hành công trình được đào tạo về cấp nước	[ ]	[ ]	[ ]	
3	Thu chi tài chính	[ ]	[ ]	[ ]	
4	Hồ sơ công trình	[ ]	[ ]	[ ]	

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Giải thích/ ghi chú/ mức độ
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
II	**Hệ thống công trình sản xuất**				
II.1	**Nguồn nước và công trình thu nước**				
5	Lưu lượng nước đảm bảo khai thác phục vụ cho sản xuất nước sạch	[ ]	[ ]	[ ]	
6	Chất lượng nguồn nước khai thác (nước thô)	[ ]	[ ]	[ ]	
7	Công trình thu nước	[ ]	[ ]	[ ]	
8	Đường ống cấp từ công trình thu nước đến công trình xử lý sơ bộ	[ ]	[ ]	[ ]	
9	Sổ ghi chép chi tiết vận hành nguồn nước và công trình thu nước	[ ]	[ ]	[ ]	
II.2	**Công trình xử lý sơ bộ**				
10	Công nghệ xử lý nước	[ ]	[ ]	[ ]	
11	Các bể xử lý nước sơ bộ	[ ]	[ ]	[ ]	
12	Hệ thống van xả bùn, cặn	[ ]	[ ]	[ ]	
13	Lưu lượng nước của từng bể	[ ]	[ ]	[ ]	
14	Vệ sinh bể lắng	[ ]	[ ]	[ ]	
15	Sổ nhật ký vận hành công trình xử lý sơ bộ	[ ]	[ ]	[ ]	
II.3	**Công trình lọc**				
16	Sơ đồ công nghệ và quy trình lọc	[ ]	[ ]	[ ]	
17	Tốc độ lọc theo thiết kế	[ ]	[ ]	[ ]	
18	Khả năng rửa bể lọc theo thiết kế	[ ]	[ ]	[ ]	
19	Công trình lọc được thau rửa theo quy định	[ ]	[ ]	[ ]	
20	Quy trình sửa chữa bể lọc	[ ]	[ ]	[ ]	
21	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
II.4	**Công trình khử trùng**				
22	Tình trạng hoạt động của công trình khử trùng	[ ]	[ ]	[ ]	
23	Khả năng điều chỉnh hàm lượng hóa chất	[ ]	[ ]	[ ]	
24	Trình tự, hàm lượng và thời gian châm hóa chất theo tiêu chuẩn	[ ]	[ ]	[ ]	

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Giải thích/ ghi chú/ mức độ
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
25	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
II.5	**Bể chứa nước sạch**				
26	Chất lượng bể chứa nước sạch	[ ]	[ ]	[ ]	
27	Khả năng vận hành của hệ thống van cấp và van xả bùn, cặn	[ ]	[ ]	[ ]	
28	Bể chứa nước sạch đáp ứng điều kiện vệ sinh	[ ]	[ ]	[ ]	
29	Quy trình kiểm soát chất lượng nước sau xử lý	[ ]	[ ]	[ ]	
30	Chất lượng nước cấp tại bể chứa đáp ứng QCVN	[ ]	[ ]	[ ]	
31	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
II.6	**Trạm bơm nước**				
32	Sơ đồ vận hành trạm bơm	[ ]	[ ]	[ ]	
33	Tình trạng hoạt động của hệ thống các bơm	[ ]	[ ]	[ ]	
33	Kế hoạch kiểm tra hệ thống bơm trong trạm bơm	[ ]	[ ]	[ ]	
34	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
II.7	**Hệ thống phân phối**				
35	Sơ đồ mạng lưới hệ thống phân phối	[ ]	[ ]	[ ]	
36	Tình trạng hoạt động và vệ sinh của đồng hồ, các van và hố van cấp, xả cặn, xả khí...	[ ]	[ ]	[ ]	
37	Kế hoạch kiểm tra hệ thống đường ống cấp, tỷ lệ thất thoát nước	[ ]	[ ]	[ ]	
38	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
II.8	**Hệ thống điện**				
39	Sơ đồ mạng lưới hệ thống điện phục vụ công trình	[ ]	[ ]	[ ]	
40	Tình trạng hoạt động của hệ thống điện, các cầu dao điện	[ ]	[ ]	[ ]	
41	Kế hoạch kiểm tra hệ thống đường điện	[ ]	[ ]	[ ]	
42	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	[ ]	[ ]	[ ]	
III	**Quản lý và điều hành sản xuất**				
43	Quy chế hoạt động của cơ sở sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]	

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá			Giải thích/ ghi chú/ mức độ
		Đạt	Chưa đạt		
			Nhẹ	Nặng	
44	Quy trình vận hành hệ thống cấp nước	[ ]	[ ]	[ ]	
45	Kế hoạch sản xuất, đào tạo hàng năm	[ ]	[ ]	[ ]	
46	Kế hoạch sản xuất, kế hoạch sửa chữa hàng năm	[ ]	[ ]	[ ]	
47	Chế độ lưu trữ và bảo quản tài liệu	[ ]	[ ]	[ ]	
IV	**Điều kiện vệ sinh cơ sở sản xuất**				
48	Nhà xưởng, khu sản xuất phải được vệ sinh thường xuyên	[ ]	[ ]	[ ]	
49	Hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước do mưa, xả thải trong quá trình thau rửa các thiết bị, nhà xưởng	[ ]	[ ]	[ ]	
50	Kho hóa chất (nếu có) phải đặt cách biệt với khu sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]	
51	Máy móc, thiết bị và dụng cụ phải được lắp đặt theo yêu cầu vệ sinh đã được thiết kế	[ ]	[ ]	[ ]	
52	Nhà vệ sinh cho cán bộ và công nhân viên	[ ]	[ ]	[ ]	

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X vào ô đã được xác định

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

.....

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

2.1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

2.2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

.....

.....

.....

BB 1.16

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

BB 1.16

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra, hoàn thiện biên bản kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi áp dụng:

Hướng dẫn kiểm tra phân loại áp dụng đối với tất cả các công trình cấp nước tập trung nông thôn.

- Áp dụng đánh giá theo 52 tiêu chí đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung hoàn chỉnh;

- Tùy theo quy mô, công nghệ xử lý của công trình cấp nước chưa hoàn chỉnh, đơn vị kiểm tra, đánh giá áp dụng các tiêu chí đánh giá cho phù hợp.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hoặc cá nhân sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi toàn quốc.

II. HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI

1. Định nghĩa mức lỗi

- Lỗi nặng: Là sai lệch lớn so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, nếu kéo dài sẽ tác động xấu đến chất lượng nước.

- Lỗi nhẹ: Là sai lệch nhỏ so với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp cho sinh hoạt hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng nước.

2. Biểu hướng dẫn đánh giá các tiêu chí

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
I	**Cơ sở sản xuất, kinh doanh; Điều kiện sản xuất, kinh doanh**			
1	Quyết định (hoặc giấy phép hoạt động) của cơ quan có thẩm quyền về việc giao quản lý, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	Có Quyết định (hoặc giấy phép hoạt động) còn hiệu lực	Có Quyết định (hoặc giấy phép hoạt động) nhưng hết thời hạn hiệu lực	Không có Quyết định (hoặc giấy phép hoạt động)

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
2	Tỷ lệ cán bộ, nhân viên trực tiếp điều hành, vận hành công trình được đào tạo về cấp nước	⅔ số cán bộ, nhân viên trực tiếp điều hành/ vận hành công trình được đào tạo tối thiểu 3 tháng hoặc trung cấp chuyên nghiệp	½ số cán bộ, nhân viên trực tiếp điều hành/vận hành công trình được đào tạo tối thiểu 3 tháng hoặc trung cấp chuyên nghiệp	≤ ½ số cán bộ, nhân viên trực tiếp điều hành/ vận hành công trình được đào tạo tối thiểu 3 tháng hoặc trung cấp chuyên nghiệp
3	Thu chi tài chính	Thu đủ bù chi và có tích lũy cho sửa chữa vừa và nhỏ	Thu chỉ đủ bù chi phí quản lý, vận hành	Thu không đủ chi, hoặc không thu
4	Hồ sơ công trình	Có hồ sơ theo quy định	Có hồ sơ nhưng không đầy đủ	Không có hồ sơ
II	**Hệ thống công trình sản xuất**			
II.1	**Nguồn nước và công trình thu nước**			
5	Lưu lượng nước đảm bảo khai thác phục vụ cho sản xuất nước sạch	Lưu lượng nước dồi dào, đảm bảo nhu cầu khai thác quanh năm theo thiết kế	Lưu lượng nước đủ cho nhu cầu khai thác quanh năm, chỉ bị thiếu hụt khi hạn hán kéo dài	Lưu lượng nước không đảm bảo nhu cầu khai thác quanh năm
6	Chất lượng nguồn nước khai thác (nước thô)	Đạt QCVN: 08/2009/BTNMT đối với nước mặt; QVCN: 09/2009/BTNMT đối với nước ngầm	Không đạt một trong các chỉ tiêu của QCVN: 08/2009/ BTNMT hoặc QCVN:09/2009/ BTNMT	Nước bị ô nhiễm nặng với nhiều thành phần độc hại
7	Công trình thu nước	Thực hiện việc giám sát, bảo vệ và vệ sinh công trình thu nước thường xuyên theo kế hoạch	Thực hiện việc giám sát, bảo vệ và vệ sinh công trình thu nước nhưng không thường xuyên theo kế hoạch	Không có biện pháp giám sát, bảo vệ và vệ sinh công trình thu nước

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
8	Đường ống cấp từ công trình thu nước đến công trình xử lý sơ bộ	Được lắp đặt và quản lý theo đúng thiết kế; Hiện tượng rò rỉ, thất thoát nước < 10%	Được lắp đặt và quản lý theo đúng thiết kế; Hiện tượng rò rỉ, thất thoát nước ≤ 30%	Được lắp đặt và quản lý theo đúng thiết kế; Hiện tượng rò rỉ, thất thoát nước > 30%
9	Sổ ghi chép chi tiết vận hành nguồn nước và công trình thu nước	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Ghi chép nhưng không đầy đủ	Không ghi chép
II.2	**Công trình xử lý sơ bộ**			
10	Công nghệ xử lý nước	Công nghệ xử lý phù hợp, nước đạt QCVN[1]	Công nghệ xử lý chưa hiệu quả, có một chỉ tiêu vật lý vượt qua giới hạn của QCVN[1]	Công nghệ xử lý chưa phù hợp, có hơn 1 chỉ tiêu không đạt QCVN[1]
11	Các bể xử lý nước sơ bộ	Hoạt động bình thường, không có hiện tượng rò rỉ, không có thiết bị phụ trợ bị hỏng hóc hoặc không hoạt động	Hoạt động bình thường, không có hiện tượng rò rỉ, nhưng có một vài thiết bị phụ trợ[2] không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Hoạt động không bình thường, có hiện tượng rò rỉ, một số thiết bị phụ trợ không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
12	Hệ thống van xả bùn, cặn	Các van được lắp đặt theo đúng thiết kế, đảm bảo đóng mở bình thường	Các van được lắp đặt theo đúng thiết kế, cần thiết bị hỗ trợ để đóng mở	Một trong các van bị hỏng, không hoạt động
13	Lưu lượng nước của từng bể	Có thể điều chỉnh lưu lượng nước trong bể theo yêu cầu	Có thể điều chỉnh lưu lượng nước trong bể theo yêu cầu nhưng các van không kín nước	Không thể điều chỉnh lưu lượng nước trong bể theo yêu cầu

[1] QCVN: 08/2009/BTNMT đối với nước mặt; QCVN:09/2009/BTNTMT đối với nước ngầm;
[2] Thiết bị phụ trợ: (ống dẫn nước, ống xả cặn; máng thu, máng phân phối; tấm chắn; các van dẫn nước, van xả cặn)

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
14	Vệ sinh bể lắng	Bể xả được sạch bùn và cặn đáy bể lắng, vệ sinh sạch sẽ bể đúng định kỳ thời gian quy định	Bể xả được sạch bùn và cặn đáy bể lắng, vệ sinh sạch sẽ bể chưa theo đúng định kỳ thời gian quy định	Bể không thể xả được sạch bùn và cặn đáy bể lắng, không vệ sinh sạch sẽ bể theo đúng định kỳ thời gian quy định
15	Sổ nhật ký vận hành công trình xử lý sơ bộ	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký hoạt động của công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ theo quy định	Không ghi chép
II.3	**Công trình lọc**			
16	Sơ đồ công nghệ và quy trình lọc	Có sơ đồ công nghệ và quy trình lọc của nhà cung cấp; thực hiện theo quy trình	Có sơ đồ công nghệ và quy trình lọc của nhà cung cấp; không thực hiện theo quy trình	Không có sơ đồ và hướng dẫn quy trình lọc
17	Tốc độ lọc theo thiết kế	Lưu lượng nước vào bể chứa nước sạch đúng thiết kế	Lưu lượng nước vào bể chứa nước sạch lớn hơn hoặc thấp hơn mực nước thiết kế	Nước trong bể chứa nước sạch thường bị tràn hoặc không có nước
18	Khả năng rửa bể lọc theo thiết kế	Các thiết bị làm việc bình thường đảm bảo việc rửa, lọc theo đúng quy trình và thời gian yêu cầu	Phần lớn các thiết bị làm việc bình thường đảm bảo việc rửa, lọc theo đúng quy trình và thời gian yêu cầu	Không đảm bảo việc rửa, lọc theo đúng quy trình và thời gian yêu cầu
19	Công trình lọc được thau rửa theo quy định	Có hướng dẫn quy trình thau rửa và thực hiện theo quy trình	Có hướng dẫn quy trình thau rửa nhưng chưa thực hiện đầy đủ theo quy trình	Không có hướng dẫn

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
20	Quy trình sửa chữa bể lọc	Có quy trình sửa chữa bể lọc và thực hiện theo quy trình	Có quy trình sửa chữa bể lọc nhưng chưa thực hiện theo quy trình	Không có quy trình sửa chữa
21	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ theo quy định	Không ghi chép
II.4	**Công trình khử trùng**			
22	Tình trạng hoạt động của công trình khử trùng	Các thiết bị hoạt động bình thường (chính xác và liên tục), đảm bảo hàm lượng Clo dư trong cấp nước theo QCVN	Có thiết bị hoạt động nhưng không đảm bảo hàm lượng Clo dư trong cấp nước theo QCVN	Không có thiết bị khử trùng Hoặc có thiết bị khử trùng nhưng thường xuyên không hoạt động hoặc đã bị hỏng Hoặc hết hóa chất
23	Khả năng điều chỉnh hàm lượng hóa chất	Điều chỉnh bình thường bằng tự động hoặc bằng tay theo đúng nguyên lý	Điều chỉnh bình thường bằng tự động hoặc bằng tay nhưng không có nguyên lý	Không có thiết bị khử trùng hoặc có nhưng không hoạt động
24	Trình tự, hàm lượng và thời gian châm hóa chất theo tiêu chuẩn	Thực hiện việc châm hóa chất theo đúng trình tự, hàm lượng và thời gian theo quy định	Thực hiện việc châm hóa chất nhưng chưa theo đúng trình tự, hàm lượng và thời gian theo quy định	Không thực hiện theo trình tự, hàm lượng và thời gian châm hóa chất theo tiêu chuẩn
25	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ	Không ghi chép

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
II.5	**Bể chứa nước sạch**			
26	Chất lượng bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch không có hiện tượng rò rỉ, thấm và có nắp an toàn	Có hiện tượng thấm hoặc rò rỉ	Thấm hoặc rò rỉ trên diện rộng
27	Khả năng vận hành của hệ thống van cấp và van xả bùn, cặn	Các hệ thống van cấp, van xả bùn, cặn được lắp đặt đúng theo thiết kế, đảm bảo hoạt động đóng mở bình thường	Một trong các van của hệ thống van cấp, van xả bùn, cặn hoạt động không bình thường	Phần lớn các van của hệ thống van cấp, van xả bùn, cặn hoạt động không bình thường
28	Bể chứa nước sạch đáp ứng điều kiện vệ sinh	Bể chứa được vệ sinh sạch sẽ theo quy định	Bể chứa nước sạch kém vệ sinh theo quy định	Bể chứa nước sạch không vệ sinh theo quy định
29	Quy trình kiểm soát chất lượng nước sau xử lý	Thực hiện theo quy trình kiểm soát chất lượng nước sau xử lý	Không thực hiện đúng quy trình kiểm sát chất lượng nước sau xử lý	Không thực hiện kiểm soát chất lượng nước sau xử lý
30	Chất lượng nước cấp tại bể chứa đáp ứng QCVN	Đạt QCVN[3]	Có 01 chỉ tiêu chưa đạt QCVN	Có > 01 chỉ tiêu không đạt QCVN
31	Sổ nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ	Không ghi chép
II.6	**Trạm bơm nước**			
32	Sơ đồ vận hành trạm bơm	Có sơ đồ vận hành các bơm	Có sơ đồ nhưng không đầy đủ	Không có sơ đồ

[3] QCVN:01/2009/BYT đối với công trình có công suất ≥ 1.000m^3/ngày.đêm; QCVN:02/2009/BYT đối với công trình có công suất < 1.000 m^3/ngày.đêm;

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
33	Tình trạng hoạt động của hệ thống các bơm	Đảm bảo các máy bơm hoạt động bình thường hoặc có máy bơm hỗ trợ/thay thế	Không có máy bơm hỗ trợ/thay thế	Một trong các bơm trong trạm ngưng hoạt động do hư hỏng chưa sửa chữa
33	Kế hoạch kiểm tra hệ thống bơm trong trạm bơm	Có kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch	Có kế hoạch nhưng không thực hiện đầy đủ	Không có kế hoạch
34	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo quy định	Có ghi chép nhưng không đầy đủ theo quy định	Không ghi chép
II.7	**Hệ thống phân phối**			
35	Sơ đồ mạng lưới hệ thống phân phối	Có sơ đồ mạng lưới phân phối cập nhật thường xuyên	Có sơ đồ nhưng không cập nhật thường xuyên	Không có sơ đồ
36	Tình trạng hoạt động và vệ sinh của đồng hồ, các van và hố van cấp, xả cặn, xả khí...	Đảm bảo các đồng hồ, các van và hố van cấp, xả cặn, khí hoạt động bình thường và được vệ sinh sạch sẽ	Đảm bảo đồng hồ, các van và hố van cấp, xả cặn, khí hoạt động bình thường; các hố van chưa được vệ sinh sạch sẽ	Hoặc đồng hồ không hoạt động; Các van và hố van cấp, xả cặn, khí khó đóng mở; hoặc chưa được vệ sinh sạch sẽ
37	Kế hoạch kiểm tra hệ thống đường ống cấp, tỷ lệ thất thoát nước	Có kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch	Có kế hoạch nhưng không thực hiện đầy đủ	Không có kế hoạch
38	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ	Không ghi chép

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
II.8	**Hệ thống điện**			
39	Sơ đồ mạng lưới hệ thống điện phục vụ công trình	Có sơ đồ hệ thống điện, được cập nhật thường xuyên	Có sơ đồ nhưng không cập nhật thường xuyên	Không có sơ đồ
40	Tình trạng hoạt động của hệ thống điện, các cầu dao điện	Đảm bảo hệ thống điện, các cầu dao điện hoạt động bình thường và có hệ thống điện bổ sung	Đảm bảo hệ thống điện, các cầu dao điện hoạt động bình thường; nhưng không có hệ thống điện bổ sung	Điện thường xuyên bị ngừng do hệ thống đường dây, cầu dao hư hỏng
41	Kế hoạch kiểm tra hệ thống điện	Có kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch	Có kế hoạch nhưng không thực hiện đầy đủ	Không có kế hoạch
42	Sổ nhật ký được ghi chép đầy đủ, chi tiết	Ghi chép đầy đủ theo nhật ký vận hành công trình	Có ghi chép nhưng không đầy đủ	Không ghi chép
III	**Quản lý và điều hành sản xuất**			
43	Quy chế hoạt động của cơ sở sản xuất	Có quy chế hoạt động và thực hiện theo quy chế	Có quy chế hoạt động nhưng không hiện theo quy chế	Không có quy chế hoạt động
44	Quy trình vận hành hệ thống cấp nước	Có quy trình vận hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy trình	Có quy trình vận hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện không theo đúng quy trình	Không có quy trình vận hành
45	Kế hoạch sản xuất, đào tạo và kế hoạch sửa chữa hàng năm	Có kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch	Có kế hoạch nhưng không thực hiện theo kế hoạch	Không có kế hoạch
46	Chế độ lưu trữ và bảo quản tài liệu	Lưu trữ và bảo quản đầy đủ tài liệu theo quy định	Lưu trữ và bảo quản tài liệu nhưng không theo hệ thống	Không thực hiện công tác lưu trữ

BB 1.16

Chỉ tiêu	Nội dung cần đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		Đạt	Lỗi	
			Nhẹ	Nặng
47	Chế độ báo cáo	Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định	Có báo cáo nhưng không đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định	Không thực hiện công tác báo cáo theo quy định
IV	**Điều kiện vệ sinh cơ sở sản xuất**			
48	Nhà xưởng, khu sản xuất phải được vệ sinh thường xuyên	Có cán bộ chịu trách nhiệm công tác vệ sinh, hiện trạng vệ sinh trong cơ sở sản xuất sạch sẽ	Có cán bộ chịu trách nhiệm công tác vệ sinh nhưng cơ sở sản xuất chưa sạch sẽ, gọn gàng	Chưa có cán bộ chịu trách nhiệm công tác vệ sinh, cơ sở sản xuất mất vệ sinh
49	Hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước do mưa, xả thải trong quá trình thau rửa các thiết bị, nhà xưởng	Có hệ thống tiêu thoát riêng, đảm bảo tiêu thoát không để xảy ra tình trạng ngập úng	Có hệ thống tiêu thoát riêng, nhưng nước thải không tiêu thoát hoàn toàn	Có hệ thống tiêu thoát riêng, nhưng nước thải, bùn thải xả tràn ra bề mặt đất
50	Kho hóa chất (nếu có) phải đặt cách biệt với khu sản xuất	Có kho hóa chất riêng, được bảo vệ	Có kho hóa chất nhưng không riêng biệt	Không có kho để hóa chất
51	Máy móc, thiết bị và dụng cụ phải được lắp đặt theo yêu cầu vệ sinh đã được thiết kế	Đảm bảo lắp đặt theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh	Đảm bảo lắp đặt theo thiết kế nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về vệ sinh	Không lắp đặt theo thiết kế, chưa đạt yêu cầu về vệ sinh
52	Nhà vệ sinh cho cán bộ và công nhân viên	Có nhà vệ sinh hợp vệ sinh, bảo quản và sử dụng đúng quy định	Có nhà tiêu hợp vệ sinh, nhưng chưa bảo quản và sử dụng đúng quy định	Không có nhà vệ sinh

3. Hướng dẫn phân loại

Sau khi tiến hành kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch nông thôn

3.1. Loại A (tốt): Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch nông thôn đạt loại A phải đảm bảo:

a) Không có lỗi chưa đạt nặng;

BB 1.16

b) Số tiêu chí kiểm tra vi phạm lỗi chưa đạt nhẹ chỉ được chiếm < ⅓ tổng số tiêu chí được đánh giá; trong đó không được vi phạm các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5, 28, 29, 30, 37, 43, 44, 47 và 52.

3.2. Loại B (đạt): Cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt loại B cần đảm bảo:

a) Không có lỗi chưa đạt nặng;

b) Số tiêu chí kiểm tra vi phạm lỗi chưa đạt nhẹ chiếm > ⅓ tổng số tiêu chí được đánh giá; trong đó không được vi phạm các tiêu chí số 1, 2, 4, 5, 28, 30, 37, 44, 47 và 52.

3.3. Loại C (không đạt): Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch nông thôn đạt loại C:

a) Có lỗi chưa đạt nặng;

b) Số tiêu chí kiểm tra vi phạm lỗi chưa đạt nhẹ chiếm > ½ tổng số tiêu chí được đánh giá.

BB 1.17

Tên cơ quan kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất hạt giống cây trồng nông nghiệp

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Sản phẩm:.....
7. Ngày kiểm tra:.....
8. Hình thức kiểm tra:.....
9. Thành phần đoàn kiểm tra: 1) .....
   2) .....
   3) .....
10. Đại diện cơ sở: 1) .....
    2) .....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và thời gian hành động khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Giống sản xuất	[ ]			[ ]	
2	Địa điểm sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
3	Nhà xưởng chế biến	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
4	Sân phơi	[ ]	[ ]	[ ]		
5	Thiết bị chế biến	[ ]	[ ]	[ ]		
6	Kho bảo quản	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
7	Cán bộ kỹ thuật	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Kiểm định ruộng giống	[ ]		[ ]	[ ]	

BB 1.17

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
9	Lấy mẫu giống	[ ]		[ ]	[ ]	
10	Kiểm nghiệm mẫu giống	[ ]		[ ]	[ ]	
11	Chứng nhận hợp quy lô giống	[ ]		[ ]	[ ]	
12	Quy trình kỹ thuật nhân giống	[ ]		[ ]	[ ]	
13	Hồ sơ lô giống sản xuất	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
14	Ghi nhãn hàng hóa	[ ]		[ ]	[ ]	
15	Công bố tiêu chuẩn áp dụng	[ ]		[ ]	[ ]	
16	Chất lượng hạt giống	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Đánh dấu "X" vào ô đã được xác định

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

a) Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu, tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

.....

.....

b) Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

BB 1.17

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:.....

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày.... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

...., ngày.... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB 1.17

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng
cơ sở sản xuất hạt giống cây trồng nông nghiệp

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng cây giống hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng cây giống
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng cây giống nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cây giống

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Giống sản xuất

- Đạt yêu cầu: Giống sản xuất có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới hoặc có văn bản chấp thuận cho phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lỗi nghiêm trọng: Giống sản xuất không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới hoặc chưa có văn bản chấp thuận cho phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Địa điểm sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê địa điểm sản xuất phù hợp quy hoạch; đủ diện tích, hệ thống tưới tiêu chủ động, đảm bảo điều kiện cách ly, luân canh cây trồng.

- Lỗi nhẹ: Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch và hệ thống tưới tiêu, luân canh cây trồng có hạn chế nhưng khắc phục được, chưa ảnh hưởng đến chất lượng giống.

- Lỗi nặng: Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch nhưng không chủ động tưới tiêu, luân canh cây trồng chưa phù hợp.

- Lỗi nghiêm trọng: Địa điểm sản xuất không phù hợp với quy hoạch hoặc không đảm bảo điều kiện cách ly.

BB 1.17

3. Nhà xưởng chế biến

- Đạt yêu cầu: Đủ diện tích, mái che, nền nhà xưởng kiên cố chất lượng tốt.

- Lỗi nhẹ: Đủ diện tích, mái và nền nhà xưởng ở mức bán kiên cố, chất lượng trung bình.

- Lỗi nặng: Nhà xưởng không đủ diện tích, mái và nền nhà xưởng không đảm bảo gây lẫn tạp hoặc giảm chất lượng giống.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có nhà xưởng chế biến.

4. Sân phơi (trường hợp không có máy sấy hoặc công suất sấy không đủ).

- Đạt yêu cầu: Đủ diện tích, kiên cố, chất lượng sân phơi tốt đảm bảo chất lượng hạt giống.

- Lỗi nhẹ: Đủ diện tích, nhưng bán kiên cố, chất lượng trung bình.

- Lỗi nặng: Không có sân phơi hoặc không đủ diện tích, tạm thời, chất lượng không đảm bảo gây lẫn tạp hoặc giảm chất lượng hạt giống.

5. Thiết bị chế biến

- Đạt yêu cầu: Có đủ thiết bị chế biến (máy sấy, máy làm sạch, phân loại, nhuộm mầu, đóng gói) công suất phù hợp với quy mô sản xuất, đồng bộ.

- Lỗi nhẹ: Có các thiết bị chế biến, đóng gói mức độ trung bình, có một số khâu còn làm thủ công.

- Lỗi nặng: Không có hoặc có ít thiết bị chế biến, đóng gói, chủ yếu chế biến thủ công, nguy cơ không đảm bảo chất lượng.

6. Kho bảo quản

- Đạt yêu cầu: Đủ diện tích; mái che, cửa, tường kiên cố; bảo vệ tốt, chống sự xâm nhập của côn trùng, chim, chuột; không thấm dột; có nội quy kho.

- Lỗi nhẹ: Đủ diện tích; mái che, cửa, tường kiên cố; bảo vệ tốt, chống sự xâm nhập của côn trùng, chim, chuột; không thấm dột; nhưng không có nội quy kho.

- Lỗi nặng: Không có hoặc kho không đủ diện tích; mái che, cửa, tường không kiên cố; không tránh được sự xâm nhập của côn trùng, chim, chuột; bị thấm dột.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có kho bảo quản.

7. Cán bộ kỹ thuật

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng đối với sản xuất giống xác nhận; có trình độ từ đại học chuyên ngành Nông học, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên đối với sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, giống bố mẹ và hạt lai F1.

- Lỗi nặng: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật, nhưng nhân viên kỹ thuật không có trình độ từ trung cấp Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên hoặc không có chứng chỉ đào tạo

BB 1.17

về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng đối với sản xuất giống xác nhận; không có trình độ từ đại học chuyên ngành Nông học, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên đối với sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, giống bố mẹ và hạt lai F1.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không thuê nhân viên kỹ thuật theo quy định.

8. Kiểm định ruộng giống

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê người kiểm định ruộng giống để kiểm định tất cả ruộng sản xuất giống theo quy định;

- Lỗi nặng: Có hoặc thuê người kiểm định cây giống nhưng còn một số hạn chế trong việc kiểm định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không thuê người kiểm định ruộng giống.

9. Lấy mẫu giống

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê người lấy mẫu giống để lấy mẫu hạt giống theo quy định.

- Lỗi nặng: Có hoặc thuê người lấy mẫu giống nhưng người lấy mẫu không có chứng chỉ theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không thuê người lấy mẫu giống.

10. Kiểm nghiệm mẫu giống

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định; thực hiện kiểm nghiệm mẫu giống theo quy định.

- Lỗi nặng: Có hoặc thuê phòng kiểm nghiệm nhưng phòng kiểm nghiệm chưa được công nhận hoặc chưa được chỉ định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hoặc không thuê phòng kiểm nghiệm theo quy định.

11. Chứng nhận hợp quy lô giống

- Đạt yêu cầu: Thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy cho từng loại giống theo quy định.

- Lỗi nặng: Có thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy nhưng hồ sơ không hợp lệ theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định.

12. Quy trình sản xuất giống

- Đạt yêu cầu: Có quy trình sản xuất giống phù hợp với quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Lỗi nặng: Có quy trình sản xuất giống, nhưng có điểm còn chưa phù hợp với quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có quy trình sản xuất hoặc quy trình sản xuất giống, nhưng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

BB 1.17

13. Hồ sơ lô giống sản xuất

- Đạt yêu cầu: Có hồ sơ lô giống lưu giữ theo đúng quy định.

- Lỗi nhẹ: Có đầy đủ hồ sơ lô giống, nhưng hồ sơ không hợp lệ theo quy định.

- Lỗi nặng: Có không đầy đủ hồ sơ lô giống theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hồ sơ lô giống.

14. Ghi nhãn hàng hóa

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin chủ yếu theo yêu cầu quy định.

- Lỗi nặng: Có ghi nhãn nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không ghi nhãn hoặc ghi nhãn với các thông tin giả mạo.

15. Công bố tiêu chuẩn khi xuất vườn

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác nội dung thông tin theo quy định.

- Lỗi nặng: Có công bố nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không công bố hoặc công bố sai sự thật.

16. Chất lượng giống

- Đạt yêu cầu: Tất cả các chỉ tiêu phân tích đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích, kiểm định trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật.

III. PHÂN LOẠI

Loại A	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 3 lỗi nhẹ/tổng số 6 lỗi nhẹ.
Loại B	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 5 lỗi nặng/14 lỗi nặng; - Có tối đa 6 lỗi nhẹ/tổng số 6 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB.1.18

Tên cơ quan kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp..... nơi cấp .....
4. Số điện thoại:..... Số Fax: .....
5. Mã số *(nếu có)*:.....
6. Sản phẩm: .....
7. Ngày kiểm tra: .....
8. Hình thức kiểm tra: .....
9. Thành phần đoàn kiểm tra: 1) .....
   2) .....
   3) .....
10. Đại diện cơ sở: 1) .....
    2) .....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

STT	Chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá	Kết quả kiểm tra đánh giá				Diễn giải các lỗi và hành động khắc phục
		Đạt (Ac)	Mức lỗi			
			Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Địa điểm kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
2	Giống cây trồng kinh doanh	[ ]			[ ]	
3	Hồ sơ kinh doanh	[ ]	[ ]	[ ]		
4	Nhân viên kỹ thuật	[ ]	[ ]	[ ]		
5	Nguồn gốc hạt giống	[ ]		[ ]	[ ]	
6	Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản hạt giống	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	
7	Ghi nhãn hàng hóa	[ ]		[ ]	[ ]	
8	Công bố tiêu chuẩn áp dụng	[ ]		[ ]	[ ]	
	Chất lượng hạt giống	[ ]			[ ]	
	Tổng số lỗi					

Ghi chú: Chỉ đánh dấu X hoặc ✓vào ô đã được xác định

BB.1.18

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

a) Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu, tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

.....

.....

b) Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:.....

.....

.....

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng.... năm .....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm .....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BB.1.18

HƯỚNG DẪN
Kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC MỨC LỖI

Mức đánh giá	Định nghĩa
Đạt (Ac)	Đáp ứng các quy định
Lỗi nhẹ (Mi)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến chất lượng cây giống hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát chất lượng cây giống
Lỗi nặng (Ma)	Là sai lệch so với quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng cây giống nhưng chưa tới mức nghiêm trọng
Lỗi nghiêm trọng (Se)	Là sai lệch so với quy định hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cây giống

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Địa điểm kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Diện tích cửa hàng và kho chứa (nếu có) phù hợp với quy mô kinh doanh; giống bày bán phải được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, phải được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng; có biển hiệu, có bảng giá bán công khai niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc đối với các loại giống hiện đang kinh doanh.

- Lỗi nhẹ: Diện tích cửa hàng và kho chứa (nếu có) phù hợp với quy mô kinh doanh; giống bày bán phải được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, phải được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng nhưng không có biển hiệu, không có bảng giá bán công khai niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc đối với các loại giống hiện đang kinh doanh.

- Lỗi nặng: Diện tích cửa hàng và kho chứa (nếu có) không phù hợp với quy mô kinh doanh; giống bày bán không được xếp đặt riêng, để lẫn với các loại hàng hóa khác, nhưng được bảo quản ở nơi khô ráo và đảm bảo giữ được chất lượng hạt giống.

- Lỗi nghiêm trọng: Giống không được bảo quản ở nơi khô ráo và không đảm bảo giữ được chất lượng hạt giống.

2. Giống cây trồng kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Giống kinh doanh có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.

BB.1.18

- Lỗi nghiêm trọng: Giống kinh doanh không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.

3. Hồ sơ kinh doanh

- Đạt yêu cầu: Có sổ ghi chép về xuất, nhập, kèm theo hợp đồng, hóa đơn chứng từ (nếu có) cho từng loại giống, từng khách hàng.

- Lỗi nhẹ: Có sổ sách ghi chép quá trình kinh doanh nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng.

- Lỗi nặng: Không có hồ sơ kinh doanh.

4. Nhân viên kỹ thuật

- Đạt yêu cầu: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

- Lỗi nhẹ: Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng, nhưng còn có hạn chế trong nhận biết loại giống kinh doanh và kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

- Lỗi nặng: Không có nhân viên kỹ thuật hoặc có nhân viên kỹ thuật hoặc người bán hàng, nhưng không nhận biết được loại giống kinh doanh và kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

5. Nguồn gốc giống

- Đạt yêu cầu: Có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán giống với tổ chức, cá nhân sản xuất giống, trong đó ghi rõ các thông tin về tên giống, số lượng, khối lượng giống, tiêu chuẩn chất lượng, thời gian giao nhận.

- Lỗi nặng: Có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán giống với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống, nhưng chưa đầy đủ các thông tin về tên giống, số lượng, khối lượng giống, tiêu chuẩn chất lượng, thời gian giao nhận; hoặc có một số lô giống thiếu hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán.

- Lỗi nghiêm trọng: Không có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán giống với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống.

6. Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản

- Đạt yêu cầu: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ đảm bảo giữ được chất lượng giống.

- Lỗi nhẹ: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản còn một số hạn chế nhưng chưa ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giống.

- Lỗi nặng: Điều kiện vận chuyển, lưu giữ bảo quản còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng giống.

7. Ghi nhãn hàng hóa

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin chủ yếu theo yêu cầu quy định.

- Lỗi nặng: Có ghi nhãn nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không ghi nhãn hoặc ghi nhãn với các thông tin giả mạo.

BB.1.18

8. Công bố tiêu chuẩn áp dụng

- Đạt yêu cầu: Đầy đủ, chính xác nội dung thông tin theo quy định.

- Lỗi nặng: Có công bố nhưng còn thiếu một số thông tin theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Không công bố hoặc công bố sai sự thật.

9. Chất lượng hạt giống

- Đạt yêu cầu: Tất cả các chỉ tiêu phân tích đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật.

- Lỗi nghiêm trọng: Có từ một chỉ tiêu phân tích trở lên không đạt so với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật.

III. PHÂN LOẠI:

Loại A	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Không có lỗi nặng; - Có tối đa 2 lỗi nhẹ/tổng số 4 lỗi nhẹ.
Loại B	- Không có lỗi nghiêm trọng; - Có tối đa 3 lỗi nặng/7 lỗi nặng; - Có tối đa 4 lỗi nhẹ/tổng số 4 lỗi nhẹ.
Loại C	Các trường hợp còn lại.

BB 2.0

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)
.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TÀU CÁ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tàu cá: .....
   Địa chỉ: .....
   Số điện thoại:..... Số Fax: .....
2. Mã số *(nếu có)*:.....
3. Số đăng ký, đăng kiểm tàu: .....
4. Thời điểm kiểm tra: .....
5. Hình thức kiểm tra:.....
6. Thành phần Đoàn kiểm tra:
   1) .....
   2) .....
   3) .....
7. Đại diện cơ sở:
   1) .....
   2) .....

II. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp mức đánh giá của Nhóm chỉ tiêu	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	**QCVN 02-13:2009** 2.1.1.a 2.1.1.b	**1. Kết cấu và bố trí trên tàu cá** a. Không có khả năng lây nhiễm cho sản phẩm b. Thuận tiện cho việc bốc dỡ, xử lý, chế biến, bảo quản, làm vệ sinh và khử trùng		[ ] [ ]	[ ] [ ]			
2	**QCVN 02-13:2009** 2.1.2.a 2.2.5.b 2.2.6.a 2.2.2.c	**2. Cấu trúc, vật liệu của bề mặt tiếp xúc với thủy sản** a. Kết cấu phù hợp b. Dễ làm vệ sinh, khử trùng c. Bảo trì tốt		[ ] [ ] [ ]	[ ]			

BB 2.0

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp mức đánh giá của Nhóm chỉ tiêu	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
3	**QCVN 02-13:2009** 2.1.3.a,b,d 2.1.2.b	**3. Trang thiết bị bảo quản sản phẩm:** **3.1. Thiết bị cấp đông, làm lạnh (đối với những tàu có thiết bị cấp đông):** a. Đủ công suất để duy trì nhiệt độ phù hợp b. Sử dụng các tác nhân lạnh phù hợp **3.2. Kho bảo quản lạnh:** a. Vật liệu phù hợp b. Có nhiệt kế được lắp đặt đúng cách để giám sát nhiệt độ **3.3. Hầm chứa và thùng bảo quản:** a. Vật liệu phù hợp và cấu trúc dễ làm vệ sinh b. Cách nhiệt tốt c. Được bảo trì tốt		[ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]			
4	**QCVN 02-13:2009** 2.1.3.đ	**4. Dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh, khử trùng** a. Dụng cụ có kết cấu phù hợp b. Hóa chất rõ nguồn gốc, bảo quản đúng cách		[ ] [ ]	[ ]			
5	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.đ	**5. Hóa chất bảo quản** a. Được phép và rõ nguồn gốc b. Sử dụng, bảo quản đúng cách		[ ]	[ ] [ ]	[ ]		
6	**QCVN 02-13:2009** 2.1.4 2.2.1.b 2.1.3.c	**6. Hệ thống cung cấp nước và nước đá** a. Sử dụng nước và nước đá an toàn b. Sản xuất, bảo quản, vận chuyển, xay nước đá hợp vệ sinh c. Bảo trì tốt		[ ] [ ]	[ ]	[ ]		
7	**QCVN 02-13:2009** 2.1.5 2.1.6.b 2.2.3.b	**7.1. Hệ thống thoát nước thải** a. Kết cấu dễ làm vệ sinh, khử trùng b. Bố trí phù hợp **7.2 Chất thải** a. Chất thải phòng vệ sinh được xử lý phù hợp b. Chất thải thủy sản được bảo quản riêng		[ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ]			

BB 2.0

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp mức đánh giá của Nhóm chỉ tiêu	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
8	**QCVN 02-13:2009** 2.3.1	**8. Vệ sinh cá nhân và sức khỏe công nhân** a. Được khám sức khỏe định kỳ b. Người tham gia xử lý, chế biến, bảo quản thủy sản được trang bị bảo hộ lao động phù hợp. c. Có phương tiện rửa và khử trùng tay phù hợp. d. Khu vực vệ sinh được bố trí cách ly với các khu vực xử lý, bảo quản thủy sản		[ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ] [ ]			
9	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.a 2.3.2.a,b,c	**9. Điều kiện đảm bảo quản lý chất lượng** a. Có quy định đầy đủ và phù hợp b. Có phân công người kiểm soát điều kiện vệ sinh, theo dõi sản xuất c. Công nhân xử lý, bảo quản, bốc dỡ thủy sản được phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh		[ ] [ ] [ ]	[ ] [ ]			
10	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.a,c,d 2.2.2 2.2.3 2.2.4 2.2.5.a,c, d,đ 2.2.6.b,c,d 2.3.2.d	**10. Thực hiện quản lý chất lượng** a. Ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại hiệu quả b. Thực hiện làm vệ sinh đúng quy định c. Thực hiện hoạt động xử lý, bảo quản, bốc dỡ thủy sản đúng quy định d. Hồ sơ ghi chép đầy đủ		[ ] [ ]	[ ] [ ] [ ]	[ ]		
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10								**Xếp loại:**

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...)

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được kiểm tra:

2. Đề xuất xếp loại cơ sở:

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

....., ngày.... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng.... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

BB 2.0

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, XẾP LOẠI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TÀU CÁ

I. HƯỚNG DẪN XẾP LOẠI

1. Định nghĩa mức lỗi

- Lỗi nghiêm trọng (*Se*): Là sai lệch so với Quy chuẩn kỹ thuật, gây mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng.

- Lỗi nặng (*Ma*): Là sai lệch so với Quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây mất an toàn thực phẩm nhưng chưa tới mức Nghiêm trọng.

- Lỗi nhẹ (*Mi*): Là sai lệch so với Quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát vệ sinh nhưng chưa đến mức nặng.

2. Bảng xếp loại

<table>
<tr><th>Mức lỗi
Xếp loại</th><th>Nhẹ</th><th>Nặng</th><th>Nghiêm trọng</th></tr>
<tr><td>Loại A</td><td>≤ 3</td><td>0</td><td>0</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Loại B</td><td>Từ 4 đến 10</td><td>0</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ma ≤ 5 và tổng Mi + Ma ≤ 8</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Loại C</td><td colspan="2">Ma < 6 và tổng Mi + Ma > 8</td><td>0</td></tr>
<tr><td>-</td><td>≥ 6</td><td>0</td></tr>
<tr><td>-</td><td>-</td><td>≥ 1</td></tr>
</table>

Ghi chú: (-) Không tính đến

3. Diễn giải:

3.1. Cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP: Khi cơ sở xếp loại A hoặc B

3.1.1. Cơ sở được xếp loại A khi đạt các điều kiện sau:

- Không có lỗi Nghiêm trọng.
- Không có lỗi Nặng.
- Tổng số lỗi Nhẹ không quá 3 nhóm chỉ tiêu

3.1.2. Cơ sở xếp loại B khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không có lỗi Nghiêm trọng và
- Một trong 2 trường hợp sau:

- Không có lỗi Nặng, số lỗi Nhẹ từ 4 đến 10 nhóm chỉ tiêu; hoặc

- Số lỗi Nặng không quá 5 nhóm chỉ tiêu và tổng số lỗi Nhẹ + Nặng không quá 8 nhóm chỉ tiêu.

***3.2.* Cơ sở chưa đủ điều kiện đảm bảo ATTP: Khi cơ sở xếp loại C**

3.2.1. Cơ sở xếp loại C khi vướng vào một trong các điều kiện sau:

- Có lỗi Nghiêm trọng và
- Một trong 2 trường hợp sau:

- Có số lỗi Nặng lớn hơn hoặc bằng 6 nhóm chỉ tiêu; hoặc

- Có dưới 6 nhóm chỉ tiêu lỗi Nặng và tổng số lỗi Nhẹ + Nặng lớn hơn 8 nhóm chỉ tiêu.

BB 2.0

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

A. Ghi biên bản kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.
- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

B. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong mỗi nhóm chỉ tiêu.
- Với mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức sai lỗi tại các cột có ký hiệu [ ], không được xác định mức sai lỗi vào cột không có ký hiệu [ ].
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi nhóm chỉ tiêu.
- Kết quả đánh giá tổng hợp chung của một nhóm chỉ tiêu là mức đánh giá cao nhất của chỉ tiêu trong nhóm, thống nhất ghi như sau: Ac (đạt), Mi (lỗi mức nhẹ), Ma (lỗi mức nặng), Se (lỗi mức nghiêm trọng).
- Phải diễn giải chi tiết sai lỗi đã được xác định cho mỗi chỉ tiêu và thời hạn cơ sở phải khắc phục sai lỗi đó. Đối với chỉ tiêu không đánh giá cần ghi rõ lý do trong cột "Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục".

C. Các nhóm chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra

1. KẾT CẤU VÀ BỐ TRÍ TRÊN TÀU CÁ

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
11	**QCVN 02-13:2009** 2.1.1.a 2.1.1.b	**1. Kết cấu và bố trí trên tàu cá** a. Không có khả năng lây nhiễm cho sản phẩm b. Thuận tiện cho việc bốc dỡ, xử lý, chế biến, bảo quản, làm vệ sinh và khử trùng		 [ ]	[ ] [ ]	[ ]		

1.1. Yêu cầu:

- Ngăn ngừa khả năng lây nhiễm cho nguyên liệu thủy sản.
- Thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý, chế biến, bảo quản thủy sản.

1.2. Phạm vi:

- Khu vực tiếp nhận, xử lý và bảo quản thủy sản
- Khu vực buồng máy, khu vực dành cho thủy thủ đoàn, khu vệ sinh, các đường dẫn nước thải.

1.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Tàu cá phải được thiết kế thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý, chế biến, bảo quản thủy sản, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

BB 2.0

- Các khu vực tiếp nhận, xử lý và bảo quản thủy sản phải được bố trí ngăn cách với các khu vực khác có thể gây nhiễm cho thủy sản như: buồng máy, khu vực dành cho thủy thủ đoàn, khu vệ sinh, các đường dẫn nước thải.

2. CẤU TRÚC, VẬT LIỆU CỦA BỀ MẶT TIẾP XÚC VỚI THỦY SẢN

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
12	**QCVN 02-13:2009** 2.1.2.a 2.2.5.b 2.2.6.a 2.2.2.c	**2. Cấu trúc, vật liệu của bề mặt tiếp xúc với thủy sản** a. Kết cấu phù hợp b. Dễ làm vệ sinh, khử trùng c. Bảo trì tốt		[ ] [ ] [ ]	[ ]			

2.1. Yêu cầu:

- Ngăn ngừa sự lây nhiễm cho thủy sản.

- Vật liệu có kết cấu phù hợp, dễ làm vệ sinh.

2.2. Phạm vi:

- Sàn tàu và dàn phơi.

- Thiết bị bốc dỡ và chuyển thủy sản lên bờ.

2.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Sàn tàu: được làm bằng vật liệu cứng, bền, không độc, chịu mòn; Mặt sàn phải phẳng, kín, không trơn trượt, dễ làm vệ sinh, khử trùng và đảm bảo thoát nước.

- Dàn phơi: được thiết kế chế tạo phù hợp với tàu, bảo đảm việc phơi khô được dễ dàng, an toàn và được làm từ vật liệu không độc, dễ làm vệ sinh, khử trùng.

- Thiết bị bốc dỡ và chuyển thủy sản lên bờ phải được làm bằng vật liệu không gỉ, không độc, dễ làm sạch và khử trùng.

3. TRANG THIẾT BỊ BẢO QUẢN SẢN PHẨM

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
13	**QCVN 02-13:2009** 2.1.3.a,b,d 2.1.2.b	**3. Trang thiết bị bảo quản sản phẩm:** **3.1. Thiết bị cấp đông, làm lạnh (đối với những tàu có thiết bị cấp đông):** a. Đủ công suất để duy trì nhiệt độ phù hợp b. Sử dụng các tác nhân lạnh phù hợp		[ ] [ ]	[ ] [ ]			

BB 2.0

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
		3.2. Kho bảo quản lạnh: a. Vật liệu phù hợp b. Có nhiệt kế được lắp đặt đúng cách để giám sát nhiệt độ **3.3. Hầm chứa và thùng bảo quản:** a. Vật liệu phù hợp và cấu trúc dễ làm vệ sinh b. Cách nhiệt tốt c. Được bảo trì tốt		[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ] [ ] [ ]			

3.1. Yêu cầu:

- Thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng.
- Vật liệu phù hợp, không lây nhiễm cho thủy sản.

3.2. Phạm vi:

- Thiết bị cấp đông, làm lạnh.
- Kho bảo quản lạnh.
- Hầm chứa và thùng bảo quản thủy sản.

3.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

a) Thiết bị cấp đông, làm lạnh (đối với những tàu có thiết bị cấp đông):

- Phải có công suất đủ mạnh để cấp đông nhanh sản phẩm đánh bắt.
- Nếu sử dụng thiết bị có dùng nước muối để làm lạnh, thì thiết bị lạnh và khuấy phải đủ công suất để duy trì nhiệt độ của thủy sản theo quy định. Nước muối phải được thay mới trước mỗi chuyến biển.
- Chỉ được phép sử dụng các tác nhân lạnh bay hơi tiếp xúc trực tiếp với thủy sản là: không khí, nitơ lỏng, điôxyt cacbon rắn.

b) Kho bảo quản lạnh:

- Được cách nhiệt tốt, làm bằng vật liệu bền, nhẵn, không thấm nước và không gỉ sét.
- Thiết bị làm lạnh phải có công suất đủ mạnh để giữ thủy sản trong kho ở nhiệt độ bảo quản thích hợp và ổn định.
- Có nhiệt kế được lắp đặt đúng cách để theo dõi nhiệt độ của kho.

c) Thùng bảo quản thủy sản:

- Được làm bằng vật liệu chống ăn mòn, không độc; cấu trúc chắc chắn; được bọc cách nhiệt và có nắp đậy khi cần thiết; có lỗ thoát nước đá tan ở đáy.
- Bề mặt nhẵn, không ngấm nước, dễ làm vệ sinh và khử trùng.
- Thường xuyên được giữ gìn sạch sẽ, hợp vệ sinh.

BB 2.0

d) Hầm chứa:

- Mặt trong của hầm chứa tiếp xúc với thủy sản được làm bằng vật liệu nhẵn, không gỉ, không độc, không ngấm nước, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

- Đảm bảo không bị đọng nước gây nhiễm bẩn thủy sản.

- Vách ngăn hầm chứa phải được cách nhiệt tốt.

4. DỤNG CỤ, HÓA CHẤT LÀM VỆ SINH, KHỬ TRÙNG

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
14	**QCVN 02-13:2009** 2.1.3.đ	**4. Dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh, khử trùng** a. Dụng cụ có kết cấu phù hợp b. Hóa chất rõ nguồn gốc, bảo quản đúng cách		[ ] [ ]	[ ]			

4.1. Yêu cầu:

- Dụng cụ vệ sinh chuyên dùng, có kết cấu phù hợp.

- Hóa chất sử dụng theo quy định của Bộ Y tế.

- Chất tẩy rửa, khử trùng phải được bảo quản phù hợp.

4.2. Phạm vi:

- Dụng cụ làm vệ sinh, khử trùng.

- Hóa chất tẩy rửa, khử trùng.

4.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Dụng cụ làm vệ sinh phải được làm bằng vật liệu phù hợp, không làm hư hại bề mặt các thiết bị trên tàu hoặc dụng cụ chứa thủy sản; được vệ sinh sạch sẽ sau mỗi lần sử dụng; được bảo quản ở nơi khô ráo và để đúng nơi quy định.

- Các hóa chất tẩy rửa và khử trùng phải phù hợp với mục đích sử dụng theo quy định của Bộ Y tế. Chất tẩy rửa, khử trùng phải được bảo quản ở nơi riêng biệt trong thùng chứa kín, có ghi rõ tên hóa chất và phương pháp sử dụng.

5. HÓA CHẤT BẢO QUẢN

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
15	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.đ	**5. Hóa chất bảo quản** a. Được phép và rõ nguồn gốc b. Sử dụng, bảo quản đúng cách		[ ]	[ ] [ ]	[ ]		

BB 2.0

5.1. Yêu cầu: Không sử dụng bất kỳ hóa chất bảo quản, chất kháng sinh không rõ nguồn và không được phép sử dụng trong hoạt động chế biến, bảo quản thủy sản.

5.2. Phạm vi: Chất nổ, chất độc, xung điện, hóa chất bảo quản và chất kháng sinh cấm.

5.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Các loại chất nổ, chất độc, xung điện, hóa chất bảo quản (không có trong danh mục được phép sử dụng) và chất kháng sinh cấm không được mang lên tàu cá dùng cho việc đánh bắt, chế biến và bảo quản thủy sản.

6. HỆ THỐNG CUNG CẤP NƯỚC VÀ NƯỚC ĐÁ

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
	QCVN 02-13:2009	**6. Hệ thống cung cấp nước và nước đá**						
		a. Sử dụng nước và nước đá an toàn				[ ]		
16	2.1.4	b. Sản xuất, bảo quản, vận chuyển,		[ ]	[ ]			
	2.2.1.b	xay nước đá hợp vệ sinh						
	2.1.3.c	c. Bảo trì tốt		[ ]				

6.1. Yêu cầu: Nước và nước đá sử dụng phải đủ lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh, được kiểm soát đúng cách.

6.2. Phạm vi:

- Nước sử dụng để rửa thủy sản hoặc rửa các bề mặt thiết bị, dụng cụ tiếp xúc với thủy sản.

- Nước đá sử dụng bảo quản thủy sản.

- Máy xay nước đá.

6.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Nước sử dụng để rửa thủy sản hoặc rửa các bề mặt của thiết bị, dụng cụ tiếp xúc với thủy sản phải là nước sạch. Không được dùng nước biển ở cảng cho mục đích này.

- Nước dùng để làm nước đá phải là nước sạch. Nước đá phải được sản xuất, bảo quản, vận chuyển, xay nghiền trong điều kiện hợp vệ sinh.

- Được sản xuất từ nguồn nước đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

- Tàu cá phải đủ nước sạch, nước đá sạch và dụng cụ chứa đựng để bảo quản thủy sản.

- Máy xay đá có kết cấu thích hợp, dễ làm vệ sinh; được làm bằng vật liệu bền, không gỉ và không gây nhiễm độc cho thủy sản.

BB 2.0

7. CHẤT THẢI

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
17	**QCVN 02-13:2009** 2.1.5 2.1.6.b 2.2.3.b	**7.1 Hệ thống thoát nước thải** a. Kết cấu dễ làm vệ sinh, khử trùng b. Bố trí phù hợp **7.2 Chất thải** a. Chất thải phòng vệ sinh được xử lý phù hợp b. Chất thải thủy sản được bảo quản riêng		[ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ]			

7.1. Yêu cầu: Chất thải không là nguồn lây nhiễm cho nguyên liệu thủy sản và môi trường.

7.2. Phạm vi: Hệ thống thoát nước từ sàn tàu, hầm chứa thủy sản, phòng vệ sinh.

7.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế, kiểm tra hồ sơ và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Hệ thống thoát nước từ sàn tàu, hầm chứa thủy sản hoặc phòng vệ sinh phải đảm bảo thoát hết nước, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

- Hệ thống đường dẫn nước thải phải được bố trí ngăn cách để không làm nhiễm bẩn thủy sản.

- Phế liệu thủy sản sau khi sơ chế phải được chuyển nhanh khỏi mặt sàn tàu và được bảo quản riêng.

- Chất thải phòng vệ sinh phải được xử lý không gây ô nhiễm môi trường.

8. VỆ SINH CÁ NHÂN VÀ SỨC KHỎE CÔNG NHÂN

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
18	**QCVN 02-13:2009** 2.3.1	**8. Vệ sinh cá nhân và sức khỏe công nhân** a. Được khám sức khỏe định kỳ b. Người tham gia xử lý, chế biến, bảo quản thủy sản được trang bị bảo hộ lao động phù hợp. c. Có phương tiện rửa và khử trùng tay phù hợp. d. Khu vực vệ sinh được bố trí cách ly với các khu vực xử lý, bảo quản thủy sản		[ ] [ ] [ ] [ ]	[ ] [ ] [ ]			

BB 2.0

8.1. Yêu cầu:

- Người tiếp xúc với thủy sản phải được trang bị bảo hộ lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định và không bị mắc bệnh truyền nhiễm.

- Khu vực vệ sinh không là nguồn lây nhiễm cho thủy sản.

8.2. Phạm vi:

- Người đang xử lý thủy sản hoặc có mặt ở khu vực xử lý, chế biến và bảo quản thủy sản.

- Khu vực vệ sinh vệ sinh.

8.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

Xem xét, kiểm tra thực tế, kiểm tra hồ sơ và phỏng vấn (khi cần thiết) để xác định:

- Mọi thuyền viên phải giữ gìn vệ sinh cá nhân trong sinh hoạt và trong khi làm việc trên tàu.

- Những người đang xử lý thủy sản hoặc có mặt ở khu vực xử lý, chế biến và bảo quản thủy sản phải được trang bị bảo hộ lao động hợp vệ sinh và tuân thủ biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Những người mang bệnh truyền nhiễm (theo quy định của Bộ Y tế) không được có mặt trên tàu cá.

- Hàng năm, thuyền viên phải được kiểm tra sức khỏe định kỳ.

- Khu vực vệ sinh phải bố trí cách ly với các khu vực xử lý, bảo quản thủy sản.

- Phải giữ sạch sẽ và làm vệ sinh thường xuyên; chất thải phải được xử lý không gây ô nhiễm môi trường.

- Có đủ nước sạch và xà phòng sát trùng để rửa tay.

9. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
19	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.a 2.3.2.a,b,c	**9. Điều kiện đảm bảo hoạt động quản lý chất lượng** a. Có quy định đầy đủ và phù hợp b. Có phân công người kiểm soát điều kiện vệ sinh, theo dõi sản xuất c. Công nhân xử lý, bảo quản, bốc dỡ thủy sản được phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh		[ ] [ ] [ ]	[ ] [ ]			

9.1. Yêu cầu: Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động quản lý chất lượng phù hợp với việc kiểm soát trong thực tế.

9.2. Phạm vi:

- Quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm: vệ sinh, khử trùng thiết bị, sàn tàu, hầm chứa, dụng cụ chứa và các bề mặt khác tiếp xúc với thủy sản.

- Người chịu trách nhiệm chính về vệ sinh an toàn và chất lượng thủy sản.

BB 2.0

9.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

- Mỗi tàu cá phải xây dựng nội quy riêng về vệ sinh an toàn thực phẩm; phổ biến cho thủy thủ về công tác vệ sinh, khử trùng thiết bị, sàn tàu, hầm chứa, dụng cụ chứa và các bề mặt khác tiếp xúc với thủy sản trước và sau mỗi chuyến đi biển.

- Nội quy vệ sinh phải quy định rõ phương pháp, tần suất làm vệ sinh cho phù hợp với từng loại tàu cá và xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân đối với từng nội dung công việc.

- Trên tàu cá phải có người chịu trách nhiệm chính về vệ sinh an toàn và chất lượng thủy sản. Mỗi thành viên trên tàu phải nắm vững các biện pháp phòng tránh nhiễm bẩn hoặc làm hư hại đến thủy sản trong quá trình tiếp nhận, xử lý, chế biến, bảo quản, bốc dỡ và vận chuyển.

- Có phương pháp chế biến, bảo quản và vận chuyển phù hợp đối với từng loại nguyên liệu thủy sản.

10. THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ TRUY XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu	Kết quả đánh giá					Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Mức đánh giá				Tổng hợp	
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
20	**QCVN 02-13:2009** 2.2.1.a,c,d 2.2.2 2.2.3 2.2.4 2.2.5.a,c,d,đ 2.2.6.b,c,d 2.3.2.d	**10. Thực hiện quản lý chất lượng** a. Ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại hiệu quả b. Thực hiện làm vệ sinh đúng quy định c. Thực hiện hoạt động xử lý, bảo quản, bốc dỡ thủy sản đúng quy định d. Hồ sơ ghi chép đầy đủ		[ ] [ ]	[ ] [ ] [ ]	[ ]		

10.1. Yêu cầu: Việc thực hiện hoạt động quản lý chất lượng và truy xuất nguồn nguyên liệu theo đúng với quy định đề ra.

10.2. Phạm vi:

- Hoạt động tiếp nhận, xử lý, chế biến, bảo quản, bốc dỡ và vận chuyển.

- Hồ sơ có liên quan đến việc quản lý chất lượng và truy xuất nguồn nguyên liệu.

10.3. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá:

a) Kiểm soát động vật gây hại: Có biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và diệt trừ chuột cùng các loại côn trùng, động vật gây hại khác. Không được phép nuôi gia súc, gia cầm trên tàu cá.

b) Yêu cầu thực hiện vệ sinh: Phải thực hiện làm vệ sinh các thiết bị và dụng cụ trên tàu, các khu vực trên sàn tàu dùng để tiếp nhận, xử lý hoặc bảo quản thủy sản.

BB 2.0

c) Yêu cầu về việc thực hiện xử lý, bảo quản, vận chuyển:

- Thủy sản phải được nhanh chóng phân loại, làm sạch và bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật và làm lạnh càng nhanh càng tốt (Trừ sản phẩm sống, ướp muối và làm khô ngay trên biển).

- Duy trì được nhiệt độ lạnh của thủy sản theo yêu cầu cho đến khi bốc dỡ.

- Dụng cụ chứa đựng thủy sản phải được kê xếp sao cho thủy sản không bị dập nát trong quá trình bảo quản, vận chuyển và bốc dỡ.

- Nước đá đã sử dụng trong bảo quản thủy sản không được sử dụng lại.

- Tàu cá phải ghi nhật ký khai thác và hồ sơ theo dõi xử lý, chế biến trên tàu bảo đảm dễ dàng trong việc truy xuất nguồn gốc và đánh giá chất lượng thủy sản.

d) Yêu cầu đối với cấp đông và bảo quản thủy sản đông lạnh (đối với tàu cá có thiết bị cấp đông và kho lạnh):

- Thủy sản xếp trong hầm đông phải đảm bảo để quá trình lạnh đông nhanh và đều, nhiệt độ trung tâm sản phẩm phải đạt -18^0C hoặc thấp hơn.

- Thủy sản sau khi đưa ra khỏi tủ cấp đông phải được bao gói và đưa ngay vào kho lạnh bảo quản.

- Trong kho lạnh, thủy sản phải được kê xếp theo từng lô riêng biệt, ghi chép rõ vị trí và ngày, tháng bảo quản của từng lô. Nhiệt độ sản phẩm trong kho lạnh đảm bảo đạt -18^0C hoặc thấp hơn; nhiệt độ trong kho không được dao động quá mức cho phép là $\pm 3^0$C.

e) Yêu cầu đối với phơi khô và bảo quản sản phẩm khô:

- Thủy sản ngay sau khi được xử lý, chế biến và làm sạch phải nhanh chóng phơi khô trên các dàn phơi trên tàu cá;

- Việc phơi khô phải bảo đảm thoát ẩm nhanh, sản phẩm được khô đều;

- Không được phơi khô thủy sản trực tiếp trên bề mặt boong tàu, trong phòng máy. Không được để thủy sản khô nhiễm bẩn và dính dầu mỡ;

- Sản phẩm khô phải được bao gói và bảo quản trong điều kiện hợp vệ sinh.

f) Yêu cầu về hồ sơ ghi chép: Tàu cá phải ghi nhật ký khai thác và hồ sơ theo dõi xử lý, chế biến trên tàu, bảo đảm dễ dàng trong việc truy xuất nguồn gốc và đánh giá chất lượng thủy sản.

(Xem tiếp Công báo số 61 + 62)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng